

97. KINH ĐẠI NHÂN

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật du hóa tại Câu-lâu-sâu, ở đô ấp Kiếm-ma-sắt-đàm-câu-lâu.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan một mình tĩnh tọa tại một nơi vắng vẻ, tâm nghĩ như vậy: “Kỳ diệu thay, pháp duyên khởi này thật là vô cùng sâu sắc, và sự minh tri về duyên khởi cũng vô cùng sâu sắc! Nhưng ta quán sát thấy rất nông cạn, rất nông cạn!” Rồi vào lúc xế trưa, Tôn giả A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy, qua đến chỗ Phật, đánh lễ chân Ngài, rồi đứng sang một bên và bạch:

– Bạch Thế Tôn, hôm nay con một mình tĩnh tọa tại một nơi thanh vắng, tâm nghĩ như vậy: “Kỳ diệu thay, pháp duyên khởi này thật là vô cùng sâu sắc, và sự minh tri về duyên khởi cũng vô cùng sâu sắc! Nhưng ta quán sát thấy rất nông cạn, rất nông cạn!”

Đức Thế Tôn bảo:

– Này A-nan, thầy chớ nghĩ rằng: “Pháp duyên khởi này rất nông cạn, rất nông cạn!” Vì sao? Vì pháp duyên khởi này vô cùng sâu sắc và sự minh tri về duyên khởi cũng vô cùng sâu sắc. Này A-nan, đối với pháp duyên khởi này, vì không biết như thật, thấy như thật, không giác, không thấu triệt nên khiến chúng sanh dính móc nhau, rối loạn như khung cửi, như cỏ uẩn-man, vôi vàng, huyền náo đi từ đời này đến đời kia, từ đời kia đến đời này, qua lại, lại qua, không thể ra khỏi vòng sanh tử. Này A-nan, cho nên phải biết pháp duyên khởi này thật vô cùng sâu sắc và sự minh tri về duyên khởi cũng vô cùng sâu sắc.

Này A-nan, nếu có người hỏi: “Già và chết có do duyên không?” Nên đáp như vậy: “Già chết có do duyên.” Nếu có người hỏi: “Già chết do duyên gì?” Nên đáp như vậy: “Duyên nơi sanh vậy.”

Này A-nan, nếu có người hỏi: “Sanh có do duyên không?” Nên đáp: “Sanh cũng có duyên.” Nếu có người hỏi: “Sanh do duyên gì?” Nên đáp: “Do duyên nơi hữu vậy.”

Này A-nan, nếu có người hỏi: “Hữu có do duyên không?” Nên đáp: “Hữu cũng do duyên.” Nếu có người hỏi: “Hữu do duyên gì?” Nên đáp: “Do duyên nơi thủ vậy.”

Này A-nan, nếu có người hỏi: “Thủ có do duyên không?” Nên đáp: “Thủ cũng do duyên.” Nếu có người hỏi: “Thủ do duyên gì?” Nên đáp: “Do duyên nơi ái vậy.”

Này A-nan, đó là duyên ái có thủ, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sanh, duyên sanh có già chết, duyên già chết có buồn lo, khóc lóc, buồn khổ, ảo não đều duyên nơi già mà có, như thế là trọn đủ toàn khối khổ đau to lớn.

Này A-nan, duyên sanh có già chết. Ở đây nói duyên sanh có già chết thì nên biết rằng đó gọi là duyên sanh có già chết. Này A-nan, nếu không có sự sanh như cá và loài cá, chim và loài chim, muỗi và loài muỗi, rỗng và loài rỗng, thần và loài thần, quý và loài quý, trời và loài trời, người và loài người; thì này A-nan, các loài chúng sanh ấy tùy theo những chỗ ấy; nếu không có sự sanh, mỗi loài, mỗi loài đều không sanh, giả sử tách rời sự sanh, có già chết chăng?

– Bạch Thế Tôn, không!

– Cho nên, này A-nan, nên biết rằng nhân của già chết, tập của già chết, bản nguyên của già chết, duyên của già chết chính là sanh. Vì sao? Vì duyên sanh nên có già chết.

Này A-nan, duyên hữu có sanh. Ở đây nói duyên hữu có sanh thì nên biết rằng đó gọi là duyên hữu có sanh. Này A-nan, nếu không có sự hữu như cá và loài cá, chim và loài chim, muỗi và loài muỗi, rỗng và loài rỗng, thần và loài thần, quý và loài quý, trời và loài trời, người và loài người; thì này A-nan, các loài chúng sanh ấy tùy theo những chỗ ấy mà không có, mỗi loài, mỗi loài đều không có hữu, giả sử tách rời sự hữu, có sanh chăng?

– Bạch Thế Tôn, không!

– Cho nên, này A-nan, nên biết rằng nhân của sanh, tập khởi của sanh, bản nguyên của sanh, duyên của sanh chính là hữu. Vì sao? Vì duyên hữu nên có sanh.

Này A-nan, duyên thủ có hữu. Ở đây nói duyên thủ có hữu thì nên biết rằng đó gọi là duyên thủ có hữu. Này A-nan, nếu không có thủ, mỗi loài, mỗi loài đều không có thủ, giả sử tách rời thủ thì sẽ có hữu chăng, thì thiết có hữu chăng?

– Bạch Thế Tôn, không!

– Cho nên, này A-nan, nên biết rằng nhân của hữu, tập khởi của hữu, bản nguyên của hữu, duyên của hữu chính là thủ. Vì sao? Vì duyên thủ nên có hữu.

Này A-nan, duyên ái có thủ. Ở đây nói duyên ái có thủ thì nên biết rằng đó gọi là duyên ái có thủ. Này A-nan, nếu không có ái, mỗi loài, mỗi loài đều không có ái, giả sử tách rời ái, sẽ có thủ, thì thiết có thủ chăng?

– Bạch Thế Tôn, không!

– Cho nên, này A-nan, nên biết rằng nhân của thủ, tập khởi của thủ, bản nguyên của thủ, duyên của thủ chính là ái. Vì sao? Vì duyên ái nên có thủ.

Này A-nan, đó là duyên ái có tìm cầu, duyên tìm cầu có lợi, duyên lợi có phần, duyên phần có nhiễm dục, duyên nhiễm dục có đắm trước, duyên đắm trước có bôn xén, duyên bôn xén có keo kiệt, duyên keo kiệt có thủ hộ. Này A-nan, duyên thủ hộ có đao gậy, đấu tranh, đua nịnh, lừa gạt, nói láo, hai lưỡi,

khởi lên vô lượng pháp ác, bất thiện. Như vậy là trọn đủ toàn khối khổ đau to lớn. Nay A-nan, nếu không có thủ hộ, tất cả đều không có thủ hộ, giả sử tách rời thủ hộ thì sẽ có đao gậy, đấu tranh, đua nịnh, lừa gạt, nói láo, nói hai lưỡi, khởi lên vô lượng pháp ác, bất thiện chẳng?

– Bạch Thế Tôn, không!

– Cho nên, này A-nan, nên biết rằng đao gậy, đấu tranh, đua nịnh, lừa gạt, nói láo, nói hai lưỡi, khởi lên vô lượng pháp ác, bất thiện thì nhân của chúng, tập khởi của chúng, bản nguyên của chúng và duyên của chúng chính là thủ hộ. Vì sao? Vì duyên thủ hộ nên có đao gậy, đấu tranh, đua nịnh, lừa gạt, nói láo, nói hai lưỡi, khởi lên vô lượng pháp ác, bất thiện. Như vậy là trọn đủ toàn khối khổ đau to lớn.

Này A-nan, duyên keo kiệt có thủ hộ. Ở đây nói duyên keo kiệt có thủ hộ thì nên biết rằng đó gọi là duyên keo kiệt có thủ hộ. Nay A-nan, nếu không có keo kiệt, tất cả đều không có keo kiệt, giả sử tách rời keo kiệt thì có thủ hộ chẳng?

– Bạch Thế Tôn, không!

– Cho nên, này A-nan, nên biết rằng nhân của thủ hộ, tập khởi của thủ hộ, bản nguyên của thủ hộ, duyên của thủ hộ chính là keo kiệt. Vì sao? Vì duyên keo kiệt nên có thủ hộ.

Này A-nan, duyên bồn xén có keo kiệt. Ở đây nói duyên bồn xén có keo kiệt thì nên biết rằng đó gọi là duyên bồn xén có keo kiệt. Nay A-nan, nếu không có bồn xén, tất cả đều không có bồn xén, giả sử tách rời bồn xén thì có keo kiệt chẳng?

– Bạch Thế Tôn, không!

– Cho nên, này A-nan, nên biết rằng nhân của keo kiệt, tập khởi của keo kiệt, bản nguyên của keo kiệt, duyên của keo kiệt chính là bồn xén. Vì sao? Vì duyên bồn xén nên có keo kiệt.

Này A-nan, duyên đam trước có bồn xén. Ở đây nói duyên đam trước có bồn xén thì nên biết rằng đó gọi là duyên đam trước có bồn xén. Nay A-nan, nếu không có đam trước, tất cả đều không có đam trước, giả sử tách rời đam trước thì có bồn xén chẳng?

– Bạch Thế Tôn, không!

– Cho nên, này A-nan, nên biết rằng nhân của bồn xén, tập khởi của bồn xén, bản nguyên của bồn xén, duyên của bồn xén chính là đam trước. Vì sao? Vì duyên đam trước nên có bồn xén.

Này A-nan, duyên dục có đam trước. Ở đây nói duyên dục có đam trước thì nên biết rằng đó gọi là duyên dục có đam trước. Nay A-nan, nếu không có dục, tất cả đều không có dục, giả sử tách rời dục thì có đam trước chẳng?

– Bạch Thế Tôn, không!

– Cho nên, này A-nan, nên biết rằng nhân của đam trước, tập khởi của đam trước, bản nguyên của đam trước, duyên của đam trước chính là dục. Vì sao? Vì duyên dục nên có đam trước.

Này A-nan, duyên phần có nhiễm dục. Ở đây nói duyên phần có nhiễm dục thì nên biết rằng đó gọi là duyên phần có nhiễm dục. Này A-nan, nếu không có phần, tất cả đều không có phần, giả sử tách rời phần thì có nhiễm dục chăng?

– Bạch Thế Tôn, không!

– Cho nên, này A-nan, nên biết rằng nhân của nhiễm dục, tập khởi của nhiễm dục, bản nguyên của nhiễm dục, duyên của nhiễm dục chính là phần. Vì sao? Vì duyên phần nên có nhiễm dục vậy.

Này A-nan, duyên lợi có phần. Ở đây nói duyên lợi có phần thì nên biết rằng đó gọi là duyên lợi có phần. Này A-nan, nếu không có lợi, tất cả đều không có lợi, giả sử tách rời lợi thì có phần chăng?

– Bạch Thế Tôn, không!

– Cho nên, này A-nan, nên biết rằng nhân của phần, tập khởi của phần, bản nguyên của phần, duyên của phần chính là lợi. Vì sao? Vì duyên lợi nên có phần.

Này A-nan, duyên tìm cầu có lợi. Ở đây nói duyên tìm cầu có lợi thì nên biết rằng đó là duyên tìm cầu có lợi. Này A-nan, nếu không có tìm cầu, tất cả đều không có tìm cầu, giả sử tách rời tìm cầu thì có lợi chăng?

– Bạch Thế Tôn, không!

– Này A-nan, nhân của lợi, tập khởi của lợi, bản nguyên của lợi, duyên của lợi chính là tìm cầu. Vì sao? Vì duyên tìm cầu nên có lợi.

Này A-nan, duyên ái có tìm cầu. Ở đây nói duyên ái có tìm cầu thì nên biết rằng đó gọi là duyên ái có tìm cầu. Này A-nan, nếu không có ái, tất cả đều không có ái, giả sử tách rời ái thì có tìm cầu chăng?

– Bạch Thế Tôn, không!

– Cho nên, này A-nan, nên biết rằng nhân của tìm cầu, tập khởi của tìm cầu, bản nguyên của tìm cầu, duyên của tìm cầu chính là ái. Vì sao? Vì duyên ái nên có tìm cầu.

Này A-nan, dục ái và hữu ái, hai pháp này nhân thọ, duyên thọ đưa đến. Này A-nan, nếu có người hỏi: “Thọ có duyên không?” Nên đáp: “Thọ cũng có duyên.” Nếu có người hỏi: “Thọ có duyên gì?” Nên đáp: “Duyên xúc.” Nên biết rằng duyên xúc có thọ. Này A-nan, nếu không có nhãn xúc, tất cả đều không có nhãn xúc, giả sử tách rời nhãn xúc thì có duyên nhãn xúc mà sanh ra lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ chăng?

– Bạch Thế Tôn, không!

– Này A-nan, nếu không có nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xúc, tất cả đều không có ý xúc, giả sử tách rời ý xúc thì sẽ có duyên ý xúc mà sanh ra lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ chăng?

– Bạch Thế Tôn, không!

– Cho nên, này A-nan, nên biết rằng nhân của thọ, tập khởi của thọ, bản nguyên của thọ, duyên của thọ chính là xúc. Vì sao? Vì duyên xúc nên có thọ vậy.

Này A-nan, nếu có người hỏi: “Xúc có duyên không?” Nên đáp: “Xúc có duyên.” Nếu có người hỏi: “Xúc có duyên gì?” Nên đáp: “Duyên danh sắc.” Nên biết rằng duyên danh sắc có xúc. Này A-nan, sở hành, sở duyên có danh thân, ly hành này, ly duyên này thì có hữu đối xúc chăng?

– Bạch Thế Tôn, không!

– Này A-nan, sở hành, sở duyên có sắc thân, ly hành, ly duyên này thì có tăng ngữ xúc chăng?

– Bạch Thế Tôn, không!

– Giả sử ly danh thân và sắc thân thì sẽ có xúc, thì thiết có xúc chăng?

– Bạch Thế Tôn, không!

– Này A-nan, cho nên biết rằng nhân của xúc, tập khởi của xúc, bản nguyên của xúc, duyên của xúc chính là danh sắc. Vì sao? Vì duyên danh sắc nên có xúc.

Này A-nan, nếu có người hỏi: “Danh sắc có duyên chăng?” Nên đáp: “Danh sắc có duyên.” Nếu có người hỏi: “Danh sắc có duyên gì?” Nên đáp: “Duyên thức.” Nên biết rằng duyên thức có danh sắc. Này A-nan, nếu thức không vào thai mẹ mà chỉ có danh sắc thì thành thân này chăng?

– Bạch Thế Tôn, không!

– Này A-nan, nếu thức mới vào thai liền ra tức khắc thì danh sắc hợp với tình chăng?

– Bạch Thế Tôn, không!

– Này A-nan, nếu thức của trẻ nhỏ, con trai hay con gái bị đoạn hoại, không còn thì danh sắc tăng trưởng dần được chăng?

– Bạch Thế Tôn, không!

– Cho nên, này A-nan, nên biết rằng nhân của danh sắc, tập khởi của danh sắc, bản nguyên của danh sắc, duyên của danh sắc chính là thức. Vì sao? Vì duyên thức nên có danh sắc.

Này A-nan, nếu có người hỏi: “Thức có duyên chăng?” Nên đáp: “Thức có duyên.” Nếu có người hỏi: “Thức có duyên gì?” Nên đáp: “Duyên danh sắc.” Nên biết rằng duyên danh sắc có thức. Này A-nan, nếu thức không có danh sắc, nếu thức không an lập, không dựa vào danh sắc thì thức có sanh, có già, có bệnh, có chết, có khổ chăng?

– Bạch Thế Tôn, không!

– Cho nên, này A-nan, nên biết rằng nhân của thức, bản nguyên của thức, tập khởi của thức, duyên của thức chính là danh sắc. Vì sao? Vì duyên danh sắc nên có thức.

Này A-nan, đó là duyên danh sắc có thức, duyên thức cũng có danh sắc; do đó có tăng ngữ, do tăng ngữ có truyền thuyết, do truyền thuyết mà có thể thi thiết là có, nghĩa là thức và danh sắc cùng đi đôi vậy.

Này A-nan, thế nào là có một loại kiến chấp có ngã?

Tôn giả A-nan bạch đức Thế Tôn:

– Thế Tôn là gốc của pháp, Thế Tôn là chủ của pháp, pháp do Thế Tôn, cúi xin Thế Tôn thuyết pháp, con nay nghe xong, được biết ý nghĩa một cách rộng rãi.

Đức Phật dạy:

– Này A-nan, hãy lắng nghe kỹ, hãy khéo suy nghĩ, Ta sẽ phân biệt cho thầy nghe ý nghĩa này!

Tôn giả A-nan vâng lời dạy, lắng nghe!

Phật dạy:

– Này A-nan, hoặc có kiến chấp thọ là ngã. Hoặc lại có kiến chấp không cho rằng thọ là ngã, nhưng ngã có cảm thọ, mà tính cách của ngã là khả năng cảm thọ. Hoặc lại có kiến chấp không cho rằng thọ là ngã và cũng không cho rằng ngã có cảm thọ, vì tính cách của ngã là khả năng cảm thọ, mà chỉ cho rằng ngã không cảm thọ gì cả.

Này A-nan, nếu có người cho rằng thọ là ngã thì nên hỏi người ấy rằng: “Ông có ba cảm thọ: Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ; trong ba cảm thọ này, ông cho thọ nào là ngã?” Này A-nan, nên nói tiếp với người ấy: Nếu lúc có cảm thọ về lạc thọ thì ngay lúc ấy, hai cảm thọ kia là khổ thọ và bất khổ bất lạc thọ diệt mất; lúc ấy, chỉ có cảm thọ về lạc thọ, nhưng lạc thọ là pháp vô thường, khổ, hoại diệt; nếu khi lạc thọ diệt rồi thì người ấy há không nghĩ rằng: “Chẳng phải là ngã diệt” chẳng?

Này A-nan, nếu chỉ có cảm thọ về khổ thọ thì lúc ấy hai cảm thọ kia là lạc thọ và bất khổ bất lạc thọ diệt mất; người ấy, lúc đó chỉ có cảm thọ về khổ thọ, nhưng khổ thọ là pháp vô thường, khổ, hoại diệt; nếu khổ thọ đã diệt thì người ấy há không nghĩ rằng: “Chẳng phải là ngã diệt” chẳng?

Này A-nan, nếu chỉ có cảm thọ về bất khổ bất lạc thọ thì lúc ấy cả hai cảm thọ kia là lạc thọ và khổ thọ diệt mất; người ấy, lúc đó chỉ có cảm thọ về bất khổ bất lạc thọ, nhưng bất khổ bất lạc thọ là pháp vô thường, khổ, hoại diệt; nếu bất khổ bất lạc thọ đã diệt thì người ấy há không nghĩ rằng: “Chẳng phải là ngã diệt” chẳng?

Này A-nan, thọ là pháp vô thường như vậy, lại xen lẫn khổ và lạc thì còn chấp rằng thọ là ngã chẳng?

– Bạch Thế Tôn, không!

– Này A-nan, vì thọ là pháp vô thường như vậy, lại xen lẫn khổ và lạc, cho nên không nên chấp rằng thọ là ngã.

Này A-nan, nếu lại có một loại kiến chấp không cho rằng thọ là ngã, nhưng ngã có cảm thọ, và cho rằng tính cách của ngã là khả năng cảm thọ thì nên nói với người ấy: “Nếu ông không có thọ thì thọ không thể có, và không thể nói rằng: ‘Cái này là sở hữu của tôi.’” Này A-nan, người ấy còn chấp như vậy: “Thọ không phải là ngã, nhưng ngã có cảm thọ và cho rằng tính cách của ngã là khả năng cảm thọ” nữa chăng?

– Bạch Thế Tôn, không!

– Này A-nan, cho nên người ấy không nên chấp như vậy: “Thọ không phải là ngã, nhưng ngã có cảm thọ, và tính cách của ngã là khả năng cảm thọ.”

Này A-nan, nếu lại có một loại kiến chấp không cho rằng thọ là ngã, cũng không cho rằng ngã có cảm thọ và tính cách của ngã là khả năng cảm thọ, mà chỉ chấp rằng ngã không cảm thọ gì cả thì nên nói với người ấy: “Nếu ông không có cảm thọ, hoàn toàn không có cảm thọ, nhưng nếu ngã ở ngoài cảm thọ thì không thể nói ngã thanh tịnh.” Này A-nan, người kia còn chấp thọ không phải là ngã, cũng không chấp ngã có cảm thọ, tính cách của ngã là khả năng cảm thọ, mà chỉ chấp ngã hoàn toàn không có cảm thọ nữa chăng?

– Bạch Thế Tôn, không!

– Này A-nan, cho nên người kia không nên chấp như vậy: “Thọ không phải là ngã, cũng không chấp, ngã có cảm thọ.” Người ấy chỉ còn chấp rằng ngã là khả năng cảm thọ, mà chỉ chấp ngã hoàn toàn không có cảm thọ. Đó gọi là một loại kiến chấp có ngã.

Này A-nan, thế nào là có loại kiến chấp không cho rằng có ngã?

Tôn giả A-nan bạch đức Thế Tôn:

– Thế Tôn là gốc của pháp, Thế Tôn là chủ của pháp, pháp do Thế Tôn, cúi xin Thế Tôn nói pháp, giảng dạy, con nay nghe rồi được biết ý nghĩa rộng rãi.

Đức Phật bảo:

– Này A-nan, hãy lắng nghe, hãy khéo tư niệm, Ta sẽ phân biệt cho thầy nghe ý nghĩa này!

Tôn giả A-nan vâng lời, lắng nghe.

Phật dạy:

– Này A-nan, hoặc có người không cho rằng thọ là ngã, cũng không cho rằng ngã có cảm thọ và tính cách của ngã có khả năng cảm thọ, và cũng không cho rằng ngã hoàn toàn không có cảm thọ. Người ấy do không chấp như vậy nên không còn thọ sanh ở thế gian này. Người ấy do không còn thọ sanh nên không còn phiền lụy, do không phiền lụy mà Bát-niết-bàn, biết một cách như thật rằng: “Sự sanh đã hết, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.”

Này A-nan, đó gọi là tăng ngữ, do tăng ngữ có truyền thuyết, do truyền thuyết mà thi thiết là có, biết như vậy thì không còn gì để chấp thủ.

Này A-nan, nếu Tỳ-kheo chánh giải thoát như vậy thì không có kiến chấp rằng Như Lai tồn tại, Như Lai không tồn tại, Như Lai vừa tồn tại vừa không tồn tại, Như Lai cũng chẳng phải tồn tại cũng chẳng không tồn tại. Đó gọi là có một loại không chấp có ngã.

Này A-nan, thế nào là có một quan niệm hữu ngã được chủ trương?

Tôn giả A-nan bạch Phật:

– Thế Tôn là gốc của pháp, Thế Tôn là chủ của pháp, pháp do Thế Tôn, cúi xin Thế Tôn giảng dạy, con nay nghe rồi được biết ý nghĩa rộng rãi.

Phật dạy:

– Này A-nan, hãy lắng nghe, hãy khéo tư niệm, Ta sẽ phân biệt cho thầy nghe ý nghĩa này!

Tôn giả A-nan vâng lời, lắng nghe.

Phật dạy:

– Này A-nan, hoặc trong một giới hạn sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương, hoặc trong một giới hạn không phải là sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương, nhưng trong một giới hạn sắc vô lượng mà quan niệm ngã được chủ trương, hoặc trong một giới hạn không phải là sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương, cũng không phải sắc vô lượng mà quan niệm ngã được chủ trương, nhưng với giới hạn vô sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương, hoặc không phải trong giới hạn sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương, cũng không phải sắc vô lượng mà quan niệm ngã được chủ trương, cũng không phải vô sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương, nhưng trong giới hạn vô sắc vô lượng mà quan niệm ngã được chủ trương.

Này A-nan, nếu có trường hợp căn cứ vào giới hạn sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương thì người ấy trong hiện tại với sắc nhỏ hẹp này mà quan niệm ngã được chủ trương, và khi thân hoại mạng chung cũng nói như vậy, cũng thấy như vậy; nếu khi ngã tách ngoài sắc nhỏ hẹp này thì người ấy cũng suy niệm như vậy, tư duy như vậy, như vậy. Này A-nan, như thế là có trường hợp căn cứ vào sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương. Như vậy, có trường hợp căn cứ vào sắc nhỏ hẹp mà kiến chấp về ngã bị chấp trước.

Này A-nan, nếu có trường hợp không căn cứ vào sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương, nhưng căn cứ vào vô lượng sắc mà quan niệm ngã được chủ trương thì người ấy trong hiện tại với vô lượng sắc này mà quan niệm ngã được chủ trương, và khi thân hoại mạng chung cũng nói như vậy, cũng thấy như vậy; nếu khi ngã tách khỏi vô lượng sắc, người ấy cũng suy niệm như vậy, tư duy như vậy, như vậy. Này A-nan, như thế, có trường hợp căn cứ vào vô lượng sắc mà quan niệm ngã được chủ trương. Như vậy, với vô lượng sắc mà kiến chấp về ngã bị chấp trước.

Này A-nan, nếu có trường hợp không căn cứ vào sắc nhỏ hẹp, cũng không sắc vô lượng nhưng căn cứ vào vô sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ

trương thì người ấy trong hiện tại, căn cứ vào vô sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương, khi thân hoại mạng chung cũng nói như vậy, cũng thấy như vậy; nếu khi ngã rời khỏi vô sắc nhỏ hẹp, người ấy suy niệm như vậy, tư duy như vậy, như vậy. Nay A-nan, như thế, có trường hợp căn cứ vào vô sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương. Như vậy, với vô sắc nhỏ hẹp mà kiến chấp ngã bị chấp trước.

Này A-nan, nếu có trường hợp không căn cứ vào sắc nhỏ hẹp, cũng không sắc vô lượng, cũng không vô sắc nhỏ hẹp, nhưng căn cứ vào vô sắc vô lượng mà quan niệm ngã được chủ trương thì người ấy trong hiện tại với vô lượng vô sắc mà quan niệm ngã được chủ trương, khi thân hoại mạng chung cũng nói như vậy, cũng thấy như vậy; nếu khi ngã rời khỏi vô lượng vô sắc, người ấy suy niệm như vậy, tư duy như vậy, như vậy. Nay A-nan, như thế, có trường hợp căn cứ vào vô lượng vô sắc mà quan niệm ngã được chủ trương. Như vậy, với vô lượng vô sắc mà kiến chấp ngã bị chấp trước.

Này A-nan, như vậy là có một loại quan niệm ngã được chủ trương.

Này A-nan, thế nào là có một loại quan niệm vô ngã được chủ trương?

Tôn giả A-nan bạch đức Thế Tôn:

– Thế Tôn là gốc của pháp, Thế Tôn là chủ của pháp, pháp do Thế Tôn, cúi mong Thế Tôn giảng pháp, con nay nghe rồi được biết ý nghĩa rộng rãi!

Phật dạy:

– Này A-nan, hãy lắng nghe, hãy khéo tư niệm kỹ, Ta sẽ phân biệt cho thầy nghe ý nghĩa này!

Tôn giả A-nan vâng lời dạy, lắng nghe.

Phật dạy:

– Này A-nan, hoặc có trường hợp không căn cứ vào sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương, cũng không căn cứ vào sắc vô lượng, cũng không căn cứ vào vô sắc nhỏ hẹp và cũng không căn cứ vào vô sắc vô lượng mà quan niệm ngã được chủ trương.

Này A-nan, nếu có trường hợp không căn cứ vào sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương thì người ấy trong hiện tại không căn cứ vào sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương, khi thân hoại mạng chung cũng không nói như vậy, cũng không thấy như vậy; nếu khi ngã rời khỏi sắc nhỏ hẹp, người ấy không suy niệm như vậy, cũng không tư duy như vậy, như vậy. Nay A-nan, như thế, có trường hợp không căn cứ vào sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương. Như vậy, với không sắc nhỏ hẹp mà không kiến chấp ngã bị chấp trước.

Này A-nan, nếu có trường hợp không căn cứ vào sắc vô lượng mà quan niệm ngã được chủ trương thì người ấy trong hiện tại không căn cứ vào sắc vô lượng mà quan niệm ngã được chủ trương, khi thân hoại mạng chung cũng

không nói như vậy, cũng không thấy như vậy; nếu khi ngã rời sắc vô lượng, người ấy không suy niệm như vậy, cũng không tư duy như vậy, như vậy. Nay A-nan, như thế, có trường hợp không căn cứ vào sắc vô lượng mà quan niệm ngã được chủ trương. Như vậy, với không sắc vô lượng mà không kiến chấp ngã bị chấp trước.

Này A-nan, nếu có trường hợp không căn cứ vào vô sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương thì người ấy trong hiện tại không căn cứ vào vô sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương, khi thân hoại mạng chung cũng không nói như vậy, cũng không thấy như vậy; nếu khi ngã rời khỏi vô sắc nhỏ hẹp, người ấy không suy niệm như vậy, cũng không tư duy như vậy, như vậy. Nay A-nan, như thế, có trường hợp không căn cứ vào vô sắc nhỏ hẹp mà quan niệm ngã được chủ trương. Như vậy, với không vô sắc nhỏ hẹp mà không kiến chấp ngã bị chấp trước.

Này A-nan, nếu có trường hợp không căn cứ vào vô sắc vô lượng mà quan niệm ngã được chủ trương thì người ấy trong hiện tại không căn cứ vào vô sắc vô lượng mà quan niệm ngã được chủ trương, khi thân hoại mạng chung cũng không nói như vậy, cũng không thấy như vậy. Nếu khi ngã rời khỏi vô sắc vô lượng, người ấy không suy niệm như vậy, cũng không tư duy như vậy, như vậy. Nay A-nan, như thế, có trường hợp không căn cứ vào vô sắc vô lượng mà quan niệm ngã được chủ trương. Như vậy, với vô sắc vô lượng mà không kiến chấp ngã bị chấp trước.

Này A-nan, đó gọi là có một loại quan niệm vô ngã được chủ trương.

Lại nữa, này A-nan, có bảy trú xứ của thức và hai xứ.

Thế nào là bảy trú xứ của thức? Chúng sanh hữu sắc với các loại thân khác nhau, các loại tướng khác nhau, ấy là loài người và loài trời cõi dục; gọi đó là trú xứ thứ nhất của thức.

Lại nữa, này A-nan, chúng sanh hữu sắc với các loại thân khác nhau, nhưng chỉ có một loại tướng, ấy là Phạm thiên sơ sanh không yêu thọ; gọi đó là trú xứ thứ hai của thức.

Lại nữa, này A-nan, chúng sanh hữu sắc với một loại thân, nhưng nhiều loại tướng, ấy là Hoảng Dục thiên; gọi đó là trú xứ thứ ba của thức.

Lại nữa, này A-nan, chúng sanh hữu sắc cùng một loại thân, cùng một loại tướng, ấy là Biên Tịnh thiên; gọi đó là trú xứ thứ tư của thức.

Lại nữa, này A-nan, chúng sanh vô sắc vượt qua tất cả sắc tướng, diệt trừ hữu đối tướng, không tư duy các loại tướng, vào Vô lượng không xứ, thành tựu an trú Vô lượng không xứ, ấy là Vô lượng không xứ thiên; gọi đó là trú xứ thứ năm của thức.

Lại nữa, này A-nan, chúng sanh vô sắc vượt qua tất cả Vô lượng không xứ, vào Vô lượng thức xứ, thành tựu an trú Vô lượng thức xứ, ấy là Vô lượng thức xứ thiên; gọi đó là trú xứ thứ sáu của thức.

Lại nữa, này A-nan, chúng sanh vô sắc vượt qua tất cả Vô lượng thức tướng, vào Vô sở hữu xứ, thành tựu an trú Vô sở hữu xứ, ấy là Vô sở hữu xứ thiên; gọi đó là trú xứ thứ bảy của thức.

Thế nào là có hai xứ?

Chúng sanh hữu sắc không có tướng, không có thọ, ấy là Vô tướng thiên; gọi đó là trú xứ thứ nhất.

Lại nữa, này A-nan, chúng sanh vô sắc, vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, vào Phi hữu tướng phi vô tướng xứ, thành tựu an trú Phi hữu tướng phi vô tướng xứ, ấy là Phi hữu tướng phi vô tướng thiên; gọi đó là trú xứ thứ hai.

Này A-nan, đối với trú xứ thứ nhất của thức, chúng sanh hữu sắc với các loại thân, với các loại tướng, là loài người và loài trời cõi dục. Nếu có Tỳ-kheo biết như thật trú xứ ấy của thức, biết sự tập khởi của trú xứ của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết tai họa, biết xuất yếu; thì này A-nan, vị Tỳ-kheo ấy có thể hoan lạc nơi trú xứ của thức kia, kể trước và trú nơi trú xứ kia của thức chăng?

– Bạch Thế Tôn, không!

– Này A-nan, đối với trú xứ thứ hai của thức, chúng sanh hữu sắc với các loại thân nhưng một loại tướng, là Phạm thiên sơ sanh không yêu thọ. Nếu có Tỳ-kheo biết như thật trú xứ của thức, biết sự tập khởi của trú xứ của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết tai họa, biết xuất yếu; thì này A-nan, vị Tỳ-kheo ấy có thể hoan lạc nơi trú xứ kia của thức, kể trước và trú nơi trú xứ kia của thức chăng?

– Bạch Thế Tôn, không!

– Này A-nan, đối với trú xứ thứ ba của thức, chúng sanh hữu sắc với một loại thân nhưng nhiều loại tướng, ấy là Hoảng Dục thiên. Nếu có Tỳ-kheo biết như thật trú xứ của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết tai họa, biết xuất yếu; thì này A-nan, vị Tỳ-kheo ấy có thể hoan lạc nơi trú xứ kia của thức, kể trước và trú nơi trú xứ kia của thức chăng?

– Bạch Thế Tôn, không!

– Này A-nan, đối với trú xứ thứ tư của thức, chúng sanh hữu sắc với một loại thân, với một loại tướng, ấy là Biến Tịnh thiên. Nếu có vị Tỳ-kheo biết như thật trú xứ ấy của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết tai họa, biết xuất yếu; thì này A-nan, vị Tỳ-kheo ấy có thể hoan lạc nơi trú xứ kia của thức, kể trước và trú nơi trú xứ kia của thức chăng?

– Bạch Thế Tôn, không!

– Này A-nan, đối với trú xứ thứ năm của thức, chúng sanh vô sắc vượt qua tất cả sắc tướng, diệt trừ hữu đối tướng, không tư duy các loại tướng, vào Vô lượng không xứ, thành tựu an trú Vô lượng không xứ, ấy là Vô lượng không xứ thiên. Nếu có vị Tỳ-kheo biết như thật trú xứ ấy của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết tai họa, biết xuất yếu; thì này A-nan, vị Tỳ-kheo ấy có thể hoan lạc nơi trú xứ kia của thức, kể trước và trú nơi trú xứ kia của thức chăng?

– Bạch Thế Tôn, không!

– Nay A-nan, đối với trú xứ thứ sáu của thức, chúng sanh vô sắc vượt tất cả Vô lượng không xứ, vào Vô lượng thức xứ, thành tựu an trú Vô lượng thức xứ, ấy là Vô lượng thức xứ thiên. Nếu có vị Tỳ-kheo biết như thật trú xứ ấy của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết tai họa, biết xuất yếu; thì nay A-nan, vị Tỳ-kheo ấy có thể hoan lạc nơi trú xứ kia của thức, kể trước và trú nơi trú xứ kia của thức chăng?

– Bạch Thế Tôn, không!

– Nay A-nan, đối với trú xứ thứ bảy của thức, chúng sanh vô sắc vượt qua tất cả vô lượng thức tướng, vào Vô sở hữu xứ, thành tựu an trú Vô sở hữu xứ, ấy là Vô sở hữu xứ thiên. Nếu có vị Tỳ-kheo biết như thật trú xứ của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết tai họa, biết xuất yếu; thì nay A-nan, vị Tỳ-kheo ấy có thể hoan lạc nơi trú xứ kia của thức, kể trước và trú nơi trú xứ kia của thức chăng?

– Bạch Thế Tôn, không!

– Nay A-nan, đối với xứ thứ nhất, chúng sanh hữu sắc không có tướng, không có thọ, ấy là Vô tướng thiên. Nếu có vị Tỳ-kheo biết như thật xứ ấy của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết tai họa, biết xuất yếu; thì nay A-nan, vị Tỳ-kheo ấy có thể hoan lạc nơi xứ kia của thức, kể trước và trú nơi xứ kia của thức chăng?

– Bạch Thế Tôn, không!

– Nay A-nan, đối với xứ thứ hai của thức, chúng sanh vô sắc vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, vào Phi hữu tướng phi vô tướng xứ, thành tựu an trú Phi hữu tướng phi vô tướng xứ, ấy là Phi hữu tướng phi vô tướng thiên. Nếu có Tỳ-kheo biết như thật xứ ấy của thức, biết sự diệt tận, biết vị ngọt, biết tai họa, biết xuất yếu; thì nay A-nan, vị Tỳ-kheo ấy có thể hoan lạc nơi xứ kia của thức, kể trước và trú nơi xứ kia của thức chăng?

– Bạch Thế Tôn, không!

– Nay A-nan, nếu có Tỳ-kheo biết như thật bảy trú xứ của thức và hai xứ kia, tâm không nhiễm trước, được giải thoát thì gọi là Tỳ-kheo A-la-hán, được gọi là tuệ giải thoát.

Lại nữa, nay A-nan, có tám giải thoát. Những gì là tám? Sắc quán sắc, đó là giải thoát thứ nhất. Lại nữa, bên trong không có sắc tướng, ngoài quán sắc, đó là giải thoát thứ hai. Lại nữa, với tịnh giải thoát, tự thân chứng ngộ, thành tựu an trú, đó là giải thoát thứ ba. Lại nữa, vượt qua tất cả sắc tướng, diệt trừ hữu đối tướng, không tư duy các loại tướng, vào Vô lượng không xứ, thành tựu an trú Vô lượng không xứ, đó là giải thoát thứ tư. Lại nữa, vượt qua tất cả Vô lượng không xứ, vào Vô lượng thức xứ, thành tựu an trú Vô lượng thức xứ, đó là giải thoát thứ năm. Lại nữa, vượt qua tất cả Vô lượng thức xứ, vào Vô sở hữu xứ, thành tựu an trú Vô sở hữu xứ, đó là giải thoát thứ sáu. Lại nữa, vượt qua tất

cả Vô sở hữu xứ, vào Phi hữu tướng phi vô tướng xứ, thành tựu an trú Phi hữu tướng phi vô tướng xứ, đó là giải thoát thứ bảy. Lại nữa, vượt qua tất cả Phi hữu tướng phi vô tướng xứ, vào Tướng thọ diệt giải thoát, tự thân chứng ngộ, thành tựu an trú, và tuệ quán biết rõ các lậu, đó là giải thoát thứ tám.

Này A-nan, nếu có Tỳ-kheo biết như thật về bảy trú xứ của thức và hai xứ kia, tâm không nhiễm trước, được giải thoát; và với tám giải thoát này, thuận và nghịch mà tự thân chứng ngộ, thành tựu an trú, và cũng do tuệ quán mà diệt tận các lậu thì đó là Tỳ-kheo A-la-hán được gọi câu giải thoát.

Đức Phật thuyết như vậy, Tôn giả A-nan và các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.



98. KINH NIỆM XỨ

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật du hóa tại Câu-lâu-sấu, ở đô ấp Kiêm-ma-sắt-đàm-câu-lâu.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Có một con đường tịnh hóa chúng sanh, vượt qua lo sợ, diệt trừ khổ não, chấm dứt kêu khóc, chứng đắc Chánh pháp; đó là bốn niệm xứ. Các Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác ở quá khứ đều đoạn trừ năm triền cái, là thứ làm tâm ô uế, làm tuệ yếu kém, an lập tâm, vững trụ nơi bốn niệm xứ, tu bảy giác chi mà chứng quả giác ngộ Vô thượng Chánh tận. Các Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác ở vị lai cũng đều do đoạn trừ năm triền cái, là thứ làm tâm ô uế, làm tuệ yếu kém, an lập tâm, vững trụ nơi bốn niệm xứ, tu bảy giác chi mà chứng quả giác ngộ. Ta nay trong hiện tại, là Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Ta cũng đều do đoạn trừ năm triền cái, là thứ làm tâm ô uế, làm tuệ yếu kém, an lập tâm, vững trụ nơi bốn niệm xứ, tu bảy giác chi mà chứng quả giác ngộ Vô thượng Chánh tận.

Bốn niệm xứ là những gì?

Đó là niệm xứ quán thân như thân, quán giác như giác, quán tâm như tâm và quán pháp như pháp.

Thế nào gọi là niệm xứ quán thân như thân?

Là Tỳ-kheo hễ đi thì biết mình đi; đứng thì biết mình đứng; ngồi thì biết mình ngồi; nằm thì biết mình nằm; ngủ thì biết mình ngủ; thức thì biết mình thức; ngủ, thức thì biết mình ngủ, thức. Tỳ-kheo như vậy, thân trong thế nào thì quán đúng thế ấy, thân ngoài thế nào thì quán đúng thế ấy, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo biết rõ lúc ra, lúc vào, khéo quán sát và phân biệt, khi co, lúc duỗi, khi cúi, lúc ngẩng, nghỉ dung chững chạc, khoác y ngay ngắn, cầm bát chỉnh tề; đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói năng, im lặng đều biết rõ ràng. Tỳ-kheo như vậy, thân trong thế nào thì biết đúng thế ấy, thân ngoài thế nào thì biết đúng thế ấy, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo khi sanh niệm ác, bất thiện liền dùng niệm thiện để đối trị, đoạn trừ chấm dứt. Như thầy trò thợ mộc kéo

thăng dây mực, búng lên thân cây rồi dùng búa bén mà đẽo cho thẳng; Tỳ-kheo khi sanh niệm ác, bất thiện liền dùng niệm thiện để đối trị, đoạn trừ cũng giống như vậy. Tỳ-kheo như vậy, thân trong thế nào thì quán đúng thế ấy, thân ngoài thế nào thì quán đúng thế ấy, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo răng ngậm khít lại, lưỡi ấn lên khẩu cái, dùng tâm trị tâm, đối trị, đoạn trừ. Như hai lực sĩ bắt một người yếu, mang đi khắp nơi, tự do đánh đập; cũng vậy, Tỳ-kheo răng ngậm khít lại, lưỡi ấn lên khẩu cái, dùng tâm trị tâm, đối trị, đoạn trừ. Tỳ-kheo như vậy, thân trong thế nào thì quán đúng thế ấy, thân ngoài thế nào thì quán đúng thế ấy, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo niệm hơi thở vào thì biết niệm hơi thở vào, niệm hơi thở ra thì biết niệm hơi thở ra, thở vào dài thì biết thở vào dài, thở ra dài thì biết thở ra dài, thở vào ngắn thì biết thở vào ngắn, thở ra ngắn thì biết thở ra ngắn, tập thở vào bằng cả toàn thân, tập thở ra bằng cả toàn thân, tập thở vào bằng thân hành tĩnh chỉ, tập thở ra bằng khẩu hành tĩnh chỉ. Tỳ-kheo như vậy, thân trong thế nào thì quán đúng thế ấy, thân ngoài thế nào thì quán đúng thế ấy, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo có hỷ lạc do ly dục sanh thấm nhuần vào thân, phổ biến sung mãn, khắp trong thân thể hỷ lạc do ly dục sanh không đâu không có. Như người hầu tắm bỏ chum kết đầy chậu, nước hòa thành bọt, nước thấm vào thân, phổ biến sung mãn, không đâu không có; cũng vậy, Tỳ-kheo có hỷ lạc do ly dục sanh thấm nhuần vào thân, phổ biến sung mãn, khắp trong thân thể hỷ lạc do ly dục sanh không đâu không có. Như vậy, Tỳ-kheo thân trong thế nào thì quán đúng thế ấy, thân ngoài thế nào thì quán đúng thế ấy, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo có hỷ lạc do định sanh thấm nhuần vào thân, phổ biến sung mãn, khắp trong thân thể hỷ lạc do định sanh không đâu không có. Cũng như suối trên núi, trong sạch không nhơ, tràn đầy sung mãn, nước từ bốn phương chảy đến, đổ vào một cách tự nhiên, tức thì nước từ đáy suối tự vọt lên, chảy tràn ra ngoài, thấm ướt cả núi, phổ biến sung mãn, không đâu không có; cũng vậy, Tỳ-kheo có hỷ lạc do định sanh thấm nhuần vào thân, phổ biến sung mãn, khắp trong thân thể hỷ lạc do định sanh không đâu không có. Tỳ-kheo như vậy, thân trong thế nào thì quán đúng thế ấy, thân ngoài thế nào thì quán đúng thế ấy, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo có lạc do ly hỷ sanh thấm nhuần vào thân, phổ biến sung mãn, khắp trong thân thể lạc không do ly hỷ sanh không đâu không có. Như các thứ sen xanh, hồng, đỏ, trắng sanh ra từ nước, lớn lên trong nước, ở dưới đáy nước, gốc rễ, hoa, lá, cộng thấy đều thấm nhuần, phổ biến sung mãn, không đâu không có; cũng vậy, Tỳ-kheo có lạc do ly hỷ sanh thấm nhuần vào thân, phổ biến sung mãn, khắp trong thân thể lạc không do ly hỷ sanh không đâu không có. Tỳ-kheo như vậy, thân trong thế nào thì quán đúng thế ấy, thân ngoài thế nào thì quán đúng thế ấy, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo ở trong thân này với tâm thanh tịnh, ý giải biến mãn, thành tựu an trú, ở trong thân này với tâm thanh tịnh không đâu không biến mãn. Như có một người trùm một cái áo rộng bảy hoặc tám khuỷu tay, từ đầu đến chân, khắp cả thân đều được phủ kín; cũng vậy, Tỳ-kheo ở trong thân này với tâm thanh tịnh không đâu không có. Tỳ-kheo như vậy, thân trong thế nào thì quán đúng thế ấy, thân ngoài thế nào thì quán đúng thế ấy, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo niệm quang minh tướng, khéo thọ trì, nhớ rõ điều niệm, như trước, sau cũng vậy, ngày cũng như đêm, đêm cũng như ngày, dưới cũng như trên, trên cũng như dưới. Như vậy, trong điên đảo, tâm không bị ràng buộc, tu tâm quang minh, tâm không khi nào còn bị bóng đen che lấp. Tỳ-kheo như vậy, thân trong thế nào thì quán đúng thế ấy, thân ngoài thế nào thì quán đúng thế ấy, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy là Tỳ-kheo quán thân như thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo khéo thọ quán tướng, khéo nhớ điều niệm. Như người ngồi quán sát kẻ nằm, người nằm quán sát kẻ ngồi; Tỳ-kheo khéo thọ quán tướng, khéo nhớ điều niệm cũng giống như vậy. Tỳ-kheo như vậy, thân trong thế nào thì quán đúng thế ấy, thân ngoài thế nào thì quán đúng thế ấy, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo tùy theo chỗ trong thân, tùy theo tính chất tốt xấu từ đầu đến chân, quán thấy thấy đều đầy đầy bất tịnh: “Trong thân này của ta có tóc, lông, móng, răng, làn da thô mịn, thịt, gân, xương, tim, thận, gan, phổi, ruột già, ruột non, lá lách, dạ dày, phân, não và não bộ, nước mắt, mồ hôi, nước mũi, nước miếng, mủ, máu, mỡ, tủy, đờm dãi, nước tiểu. Như một cái bồn chứa đủ hạt giống, ai có mắt sáng thì thấy rõ ràng: “Đây là hạt lúa, gạo; kia là hạt cải, cỏ, rau.” Cũng vậy, Tỳ-kheo tùy theo những chỗ trong thân, tùy theo tánh chất tốt xấu, từ đầu đến chân, quán

thấy thấy đầy đầy bất tịnh: “Trong thân này của ta có tóc, lông, móng, răng, làn da thô mịn, thịt, gân, xương, tim, thận, gan, phổi, ruột già, ruột non, lá lách, dạ dày, phân, não và não bộ, nước mắt, mồ hôi, nước mũi, nước miếng, mủ, máu, mỡ, tủy, đờm dãi, nước tiểu.” Tỳ-kheo như vậy, thân trong thế nào thì quán đúng thế ấy, thân ngoài thế nào thì quán đúng thế ấy, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo quán sát các giới trong thân rằng: “Trong thân này của ta có địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới. Như gã đồ tể mổ bò, lột hết bộ da, trải lên mặt đất, phân thành sáu đoạn”, Tỳ-kheo quán các giới trong thân: “Trong thân này của ta có địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới.” Cũng giống như vậy, Tỳ-kheo thân trong thế nào thì quán đúng thế ấy, thân ngoài thế nào thì quán đúng thế ấy, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo quán xác chết, mới chết từ một, hai ngày đến sáu, bảy ngày, đang bị quạ điều bươi mổ, sài lang câu xé, hoặc đã được hỏa thiêu hay đã được chôn lấp, hoặc đang bị rửa nát hư hoại. Quán rồi, vị ấy tự so sánh: “Thân ta cũng thế, đều có những trường hợp này, không sao tránh khỏi.” Tỳ-kheo như vậy, thân trong thế nào thì quán đúng thế ấy, thân ngoài thế nào thì quán đúng thế ấy, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy là Tỳ-kheo quán thân như thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo như từng thấy trong nghĩa địa, hài cốt xám xanh, mục nát gần hết, xương vung vãi khắp đất. Quán rồi, vị ấy tự so sánh: “Thân ta cũng thế, đều có những trường hợp này, không sao tránh khỏi.” Tỳ-kheo như vậy, thân trong thế nào thì quán đúng thế ấy, thân ngoài thế nào thì quán đúng thế ấy, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo như từng thấy trong nghĩa địa, da thịt, máu huyết tiêu hết, chỉ còn xương dính gân. Quán rồi tự so sánh: “Thân ta cũng thế, đều có trường hợp này, không sao tránh khỏi.” Tỳ-kheo như vậy, thân trong thế nào thì quán đúng thế ấy, thân ngoài thế nào thì quán đúng thế ấy, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo như từng thấy trong nghĩa địa, thấy xương rời từng đốt, tản mác khắp nơi, xương chân, xương đùi, xương đầu gối, xương bắp vế, xương sống, xương vai, xương cổ, xương sọ, mỗi thứ một nơi. Quán rồi, vị ấy tự so sánh: “Thân ta cũng thế, đều có những trường hợp này, không sao tránh khỏi.” Tỳ-kheo như vậy, thân trong thế nào thì quán đúng thế ấy, thân ngoài thế nào thì quán đúng thế ấy, an lập niệm tại thân, luôn

luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân như thân là Tỳ-kheo như từng thấy trong nghĩa địa, xương trắng như vỏ ốc, xanh như lông chim bồ câu, đỏ như màu máu, mục nát, bể vụn. Quán rồi, vị ấy tự so sánh: “Thân ta cũng thế, đều có những trường hợp này, không sao tránh khỏi.” Tỳ-kheo như vậy, thân trong thế nào thì quán đúng thế ấy, thân ngoài thế nào thì quán đúng thế ấy, an lập niệm tại thân, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thân như thân.

Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni lần hồi quán thân như thân như vậy, đó gọi là niệm xứ quán thân như thân.

Thế nào gọi là niệm xứ quán thọ như thọ?

Là Tỳ-kheo khi thọ nhận cảm giác lạc, liền biết đang thọ nhận cảm giác lạc; khi thọ nhận cảm giác khổ, liền biết đang thọ nhận cảm giác khổ; khi thọ nhận cảm giác không lạc không khổ, liền biết đang thọ nhận cảm giác không lạc không khổ. Khi thân thọ nhận cảm giác lạc, thân thọ nhận cảm giác khổ, thân thọ nhận cảm giác không lạc không khổ; khi tâm thọ nhận cảm giác lạc, tâm thọ nhận cảm giác khổ, tâm thọ nhận cảm giác không lạc không khổ; cảm giác lạc khi ăn, cảm giác khổ khi ăn, cảm giác không lạc không khổ khi ăn; cảm giác lạc khi không ăn, cảm giác khổ khi không ăn, cảm giác không lạc không khổ khi không ăn; cảm giác lạc khi có dục, cảm giác khổ khi có dục, cảm giác không lạc không khổ khi có dục; cảm giác lạc khi không có dục, cảm giác khổ khi không có dục, cảm giác không lạc không khổ khi không có dục. Tỳ-kheo như vậy, cảm giác bên trong thế nào thì quán đúng thế ấy, cảm giác bên ngoài thế nào thì quán đúng thế ấy, an lập niệm tại thọ, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán thọ như thọ.

Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni lần hồi quán thọ như thọ như vậy, đó gọi là niệm xứ quán thọ như thọ.

Thế nào gọi là niệm xứ quán tâm như tâm?

Là Tỳ-kheo có tâm tham dục thì biết đúng như thật có tâm tham dục, có tâm vô dục thì biết đúng như thật là có tâm vô dục. Khi có sân không sân, có si không si, có ô uế không ô uế, có hợp có tan, có thấp có cao, có nhỏ có lớn, tu không tu, định không định, có tâm giải thoát thì biết đúng như thật là có tâm giải thoát, có tâm không giải thoát thì biết đúng như thật là có tâm không giải thoát. Tỳ-kheo như vậy, quán nội tâm như tâm, quán ngoại tâm như tâm, an lập niệm tại tâm, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán tâm như tâm.

Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni lần hồi quán tâm như tâm như vậy, đó gọi là niệm xứ quán tâm như tâm.

Thế nào gọi là niệm xứ quán pháp như pháp?

Là khi con mắt duyên sắc sanh nội kết, nếu Tỳ-kheo bên trong thật có kết thì biết đúng như thật là bên trong có kết, bên trong thật không có kết thì biết đúng như thật là bên trong không có kết; nội kết chưa sanh bây giờ sanh, biết đúng như thật; nội kết đã sanh và được đoạn trừ, không sanh lại nữa, biết đúng như thật. Với tai, mũi, lưỡi, thân và ý cũng giống như vậy. Khi ý duyên pháp sanh nội kết, nếu Tỳ-kheo bên trong thật có kết thì biết đúng như thật là bên trong có kết, bên trong không có kết thì biết đúng như thật là bên trong không có kết; nội kết chưa sanh bây giờ sanh, biết đúng như thật; nội kết đã sanh và đã được đoạn trừ, không sanh lại nữa, biết đúng như thật. Tỳ-kheo như vậy, quán nội pháp đúng như pháp, quán ngoại pháp đúng như pháp, an lập niệm tại pháp, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán pháp như pháp, nghĩa là quán sáu xứ bên trong.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán pháp như pháp là Tỳ-kheo bên trong thật có ái dục thì biết đúng như thật là có ái dục, bên trong thật không có ái dục thì biết đúng như thật là không có ái dục; ái dục chưa sanh nay sanh, biết đúng như thật; ái dục đã sanh và đã được đoạn trừ, không sanh lại nữa, biết đúng như thật; với sân nhuế, thùy miên, điệu hối và nghi cũng giống như vậy. Bên trong thật có nghi, biết đúng như thật là có nghi; bên trong thật không có nghi, biết đúng như thật là không có nghi; nghi chưa sanh nay đã sanh, biết đúng như thật; nghi đã sanh và đã được đoạn trừ, không sanh lại nữa, biết đúng như thật. Tỳ-kheo như vậy, quán nội pháp đúng như pháp, quán ngoại pháp đúng như pháp, an lập niệm tại pháp, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán pháp như pháp, nghĩa là quán năm triền cái.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán pháp như pháp là Tỳ-kheo bên trong thật có niệm giác chi thì biết đúng như thật là có niệm giác chi, bên trong thật không có niệm giác chi thì biết đúng như thật là không có niệm giác chi; niệm giác chi chưa sanh nay sanh, biết đúng như thật; niệm giác chi đã sanh thì ghi nhớ không quên, không suy thoái, tu tập càng lúc càng tăng trưởng, biết đúng như thật. Với trạch pháp, tinh tấn, hỷ, tức, định và xả cũng giống như vậy. Bên trong thật có xả giác chi thì biết đúng như thật là có xả giác chi; bên trong thật không có xả giác chi thì biết đúng như thật là không có xả giác chi; xả giác chi chưa sanh nay sanh, biết đúng như thật; xả giác chi đã sanh thì ghi nhớ không quên, không suy thoái, tu tập càng lúc càng tăng trưởng, biết đúng như thật. Tỳ-kheo như vậy, quán nội pháp đúng như pháp, quán ngoại pháp đúng như pháp, an lập niệm tại pháp, luôn luôn tỉnh giác, thấy biết rõ ràng, không hề nhầm lẫn. Như vậy gọi là Tỳ-kheo quán pháp như pháp, nghĩa là quán bảy giác chi.

Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni lần hồi quán pháp như pháp như vậy, đó gọi là niệm xứ quán pháp như pháp.

Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào lập tâm vững trú bốn niệm xứ trong vòng bảy năm thì người đó nhất định sẽ chứng được một trong hai quả: Hoặc chứng Cứu cánh trí ngay trong hiện tại, hoặc chứng A-na-hàm nếu còn hữu dư.

Không cần phải đến bảy, sáu, năm, bốn, ba, hai hay một năm, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào lập tâm chánh trú nơi bốn niệm xứ thì trong vòng bảy tháng sẽ nhất định chứng được một trong hai quả: Hoặc chứng Cứu cánh trí ngay trong hiện tại, hoặc chứng A-na-hàm nếu còn hữu dư.

Không cần phải đến bảy, sáu, năm, bốn, ba, hai hay một tháng, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào lập tâm chánh trú nơi bốn niệm xứ thì trong vòng bảy ngày bảy đêm cũng sẽ nhất định chứng được một trong hai quả: Hoặc chứng Cứu cánh trí ngay trong hiện tại, hoặc chứng A-na-hàm nếu còn hữu dư.

Không cần phải đến bảy ngày đêm, sáu, năm, bốn, ba, hay hai ngày hai đêm, cũng không cần trong một ngày một đêm, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nào trong từng khoảnh khắc lập tâm chánh trụ nơi bốn niệm xứ, nếu buổi sáng thực hành như vậy thì nhất định buổi tối liền được thăng tấn, nếu buổi tối thực hành như vậy thì nhất định sáng hôm sau sẽ được thăng tấn.

Đức Phật thuyết giảng như vậy, các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe xong, hoan hỷ phụng hành.



99. KINH KHỔ ẨM (A)

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo, sau bữa ăn trưa, có chút công việc nên tập trung tại giảng đường. Lúc ấy, một số đông những người dị đạo sau bữa cơm trưa, loanh quanh tìm đến chỗ các Tỳ-kheo, cùng nhau chào hỏi rồi ngồi một bên và nói với các Tỳ-kheo rằng:

– Nay chư Hiền, Sa-môn Cù-đàm giảng dạy sự hiểu biết và sự đoạn trừ dục, sự hiểu biết và sự đoạn trừ sắc, sự hiểu biết và sự đoạn trừ cảm giác. Nay chư Hiền, chúng tôi cũng giảng dạy sự hiểu biết và sự đoạn trừ dục, sự hiểu biết và sự đoạn trừ sắc, sự hiểu biết và sự đoạn trừ cảm giác. Giữa Sa-môn Cù-đàm và chúng tôi, giữa hai sự hiểu biết và hai sự đoạn trừ ấy, có những thù thắng nào, có những sai biệt nào?

Lúc bấy giờ, các Tỳ-kheo khi nghe những điều mà số đông những người dị đạo ấy nói, không biết thế nào là phải, thế nào là trái, im lặng đứng dậy mà đi, đồng thời suy nghĩ rằng: “Những điều như vậy, chúng ta phải do nơi đức Thế Tôn mới biết.” Rồi họ đi đến đức Phật, cúi đầu đánh lễ, ngồi một bên, đem những điều đã bàn luận với số đông những người dị đạo ấy thuật lại với đức Phật. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Lúc đó, các thầy nên hỏi số đông các người dị đạo như vậy: “Nay chư Hiền, thế nào là vị ngọt của dục, thế nào là tai họa của dục, thế nào là sự xuất yếu của dục? Thế nào là vị ngọt của sắc, thế nào là tai họa của sắc, thế nào là sự xuất yếu của sắc? Thế nào là vị ngọt của cảm giác, thế nào là tai họa của cảm giác, thế nào là sự xuất yếu của cảm giác?” Nay các Tỳ-kheo, nếu các thầy hỏi như vậy, sau khi nghe, họ sẽ cật vấn lẫn nhau, nói quanh nói quẩn, nổi sân và tranh cãi, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy im lặng và rút lui. Vì sao vậy? Vì Ta không thấy có những Thiên, Ma, Phạm, Sa-môn, Phạm chí hay bất cứ ai khác ở trên đời này có thể biết được nghĩa ấy để tuyên bố lên; chỉ Như Lai và đệ tử của Như Lai, hoặc đệ tử nào được nghe từ hai vị này.

Đức Phật lại dạy:

– Thế nào là vị ngọt của dục? Đó là năm đặc tính của dục mà phát sanh lạc và hỷ; vị ngọt của dục chỉ tột cùng đến đó chứ không thể hơn nữa, nhưng tai họa của nó thì rất nhiều.

Thế nào là tai họa của dục? Một người con nhà dòng dõi, tùy kỹ thuật riêng mà tự mưu sinh, hoặc làm ruộng, hoặc buôn bán, hoặc đọc sách, hoặc giỏi toán thuật, biết công số, khéo in khắc, làm văn chương, tạo thủ bút, hoặc hiểu kinh thơ, hoặc làm võ tướng, hoặc phụng sự vua. Người ấy khi gặp lạnh phải chịu lạnh, gặp nóng phải chịu nóng, bị đói khát nhọc mệt, bị muỗi mòng châm chích; người ấy phải làm nghề nghiệp như thế để mong kiếm được tiền của. Người ấy, bằng những phương tiện như vậy, làm các công việc như vậy, để mong cầu như vậy; nhưng nếu không kiếm được tiền của thì sanh khổ sở, lo buồn, rầu rĩ, tâm thành si ám, nói rằng: “Luống công làm lụng, khổ nhọc vô ích mà những điều mong cầu không có kết quả.” Trái lại, người đó, bằng những phương tiện như vậy, làm các công việc như vậy để mong cầu như vậy, nếu kiếm được tiền của thì sanh yêu quý, giữ gìn, cất giấu. Vì sao vậy? “Tài vật này là của ta, đừng để cho vua đoạt, giặc cướp, lửa thiêu, hư hại, mất mát, hoặc xuất tài mà vô lợi, hoặc làm việc mà không thành tựu.” Kẻ đó giữ gìn cất giấu như vậy, nhưng nếu rủi bị vua đoạt, hoặc giặc cướp, lửa thiêu, hư hại thì sanh khổ sở, lo buồn, rầu rĩ, tâm thành si ám, cho rằng: “Vật ta yêu quý nhớ nghĩ suốt đêm ngày, nay đã không còn.” Đó là những nỗi khổ ở đời này, nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

Lại nữa, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên mẹ tranh với con, con tranh với mẹ, cha con, anh em, chị em, bà con dòng họ giành giật lẫn nhau. Vì giành giật lẫn nhau như vậy nên mẹ bêu xấu con, con bêu xấu mẹ, cha con, anh em, chị em, bà con dòng họ bêu xấu lẫn nhau. Thân thích còn vậy huống nữa là người ngoài. Đó là những nỗi khổ ở đời này, nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

Lại nữa, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên vua tranh giành với vua, Phạm chí tranh giành với Phạm chí, cư sĩ tranh giành với cư sĩ, dân tranh giành với dân, nước này tranh giành với nước kia. Bởi tranh giành nên thù nghịch nhau rồi dùng đủ loại binh khí để giết hại lẫn nhau, hoặc nắm tay thoi, ném đá, hoặc dùng gậy đánh, dao chặt. Trong khi giao đấu, kẻ chết, người sợ hãi, khổ sở vô cùng. Đó là những nỗi khổ ở đời này, nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

Lại nữa, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên mặc áo giáp, khoác trường bào, cầm giáo, cung tên hoặc cầm đao thuẫn đi vào quân trận, hoặc đánh nhau bằng voi, hoặc ngựa, hoặc xe, hoặc dùng bộ binh đánh nhau, hoặc cho trai gái đánh nhau. Trong khi giao đấu, kẻ chết, người sợ hãi, khổ sở vô cùng. Đó là những nỗi khổ ở đời này, nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

Lại nữa, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên mặc áo giáp, khoác trường bào, cầm giáo, cung tên; hoặc cầm đao thuẫn đi tranh đoạt nước người, công thành, phá lũy, chống đối lẫn nhau, thúc trống, thổi

kèn, bắt loa kêu réo; hoặc dùng chày đập, hoặc dùng mâu kích, hoặc dùng bánh xe bén, hoặc dùng tên bắn, hoặc lăn đá đè, hoặc dùng nỏ lớn, hoặc rót nước đồng sôi vào mắt. Trong khi giao đấu, kẻ chết, người sợ hãi, khổ sở vô cùng. Đó là những nỗi khổ ở đời này, nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

Lại nữa, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên mặc áo giáp, khoác trường bào, cầm giáo, cung tên hoặc cầm đao thuân vào xóm, vào ấp, vào quốc gia, vào thành thị, đục vách, phá kho, cướp đoạt tài vật, chặn đường giao thông hoặc đến ngõ khác, phá xóm, phá làng, phá thành, diệt nước. Trong đó, hoặc bị người của vua bắt được, đem khảo trị đủ cách: Chặt tay, chặt chân, hoặc chặt hết cả tay chân; cắt tai, cắt mũi, hoặc cắt cả tai mũi; hoặc lóc từng miếng thịt; bứt râu, bứt tóc, hoặc bứt cả râu tóc; hoặc nhốt vào trong cũi, quần vải hỏa thiêu; hoặc lấy cỏ ủ trong cát, buộc lại rồi đốt; hoặc bỏ vô bụng lừa sắt; hoặc bỏ vô miệng heo sắt; hoặc đặt vào miệng cọp sắt rồi đốt; hoặc bỏ vô vạc đồng; hoặc bỏ vô vạc sắt rồi nấu; hoặc chặt ra từng khúc; hoặc dùng xoa bén đâm; hoặc lấy móc sắt mà móc; hoặc bắt nằm trên giường sắt rồi lấy dầu sôi rót lên; hoặc bắt ngồi trong cối sắt rồi lấy chày sắt giã; hoặc cho rắn rít mổ cắn; hoặc dùng roi quất; hoặc dùng gậy thọc; hoặc dùng gậy đánh; hoặc đem dây bêu nơi nguyên quán; hoặc chém đầu rồi bêu lên trên cây. Trong các trường hợp đó, kẻ ấy hoặc chết hoặc sợ hãi, khổ sở vô cùng. Đó là những nỗi khổ ở đời này, nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

Lại nữa, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên thân làm ác, khẩu, ý làm ác. Người ấy về sau bị bệnh nằm liệt giường hoặc nằm lăn trên đất vì khổ bứt thân, toàn thân cảm giác khổ sở vô cùng, không còn đáng yêu thích. Người ấy vì lúc trước thân làm ác, khẩu, ý làm ác nên khi sắp chết, chúng che ngay trước mắt giống như mặt trời lặn bóng, sườn núi lớn che lấp mặt đất. Cũng vậy, người ấy bị những ác hạnh của thân, của khẩu và ý che lấp trước mắt; người ấy nghĩ rằng: “Các ác hạnh ta làm trước kia bây giờ chúng che trước mắt ta. Trước ta không tạo phước nghiệp mà tạo nhiều ác nghiệp. Giả tỷ có ai chỉ làm ác, hung bạo, chỉ làm tội chứ không làm phước, không hành thiện, khi sống không biết lo sợ, gần chết không chỗ nương cậy, không chỗ quay về; người ấy sanh về cõi nào ta cũng thác sanh về chỗ đó.” Do đó, người ấy sanh hồi hận, rồi do hồi hận mà chết không an lành, chết không được phước. Đó là những nỗi khổ ở đời này, nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

Lại nữa, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên thân làm ác, khẩu và ý làm ác. Người ấy vì thân làm ác, khẩu, ý làm ác nên nhân nơi đó, duyên nơi đó mà khi thân hoại mạng chung phải đến chỗ ác, sanh vào địa ngục. Đó là những nỗi khổ ở đời sau, nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc. Như vậy là tai họa của dục.

Thế nào là sự xuất yếu của dục? Nếu đoạn trừ dục, xả ly dục, diệt hết dục, vượt qua khỏi dục, như vậy gọi là sự xuất yếu của dục.

Nếu Sa-môn, Phạm chí nào không biết đúng như thật vị ngọt của dục, tai họa của dục, sự xuất yếu của dục thì không bao giờ có thể tự mình đoạn dục hưởng nữa là đoạn dục cho kẻ khác. Nếu Sa-môn, Phạm chí nào biết đúng như thật vị ngọt của dục, tai họa của dục, sự xuất yếu của dục thì có thể tự mình đoạn dục và có thể đoạn dục cho kẻ khác.

Thế nào là vị ngọt của sắc? Giả sử có các thiếu nữ Sát-đế-lợi, Phạm chí, cư sĩ hay công sư đến tuổi mười bốn, mười lăm, là lúc có sắc đẹp mặn mà. Nếu nhân nơi sắc đẹp đó, duyên nơi sắc đẹp đó mà sanh lạc, sanh hỷ thì vị ngọt của sắc chỉ tột cùng đến đó chứ không hơn nữa, nhưng tai họa của sắc thì rất nhiều.

Thế nào là tai họa của sắc? Nếu thấy nàng ấy về sau trở nên hết sức già yếu, đầu bạc, răng rụng, lưng còm, gối rũ, chống gậy mà đi, tuổi trẻ đã tàn, mạng sống sắp hết, thân thể run rẩy, các căn hư mòn. Ý các thầy nghĩ sao? Có phải sắc đẹp trước kia đã biến mất mà sanh ra tai họa chăng?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy!

– Lại nữa, nếu thấy nàng ấy bị bệnh nằm liệt giường hay lăn lóc trên đất, vì khổ bức thân, chịu khổ cùng cực. Ý các thầy nghĩ sao, có phải sắc đẹp trước kia biến mất sanh ra tai họa chăng?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy!

– Lại nữa, nếu thấy xác nàng ấy đã chết từ một hai ngày đến sáu bảy ngày, đang bị quạ diều bươi mổ, sài lang cấu xé, hoặc đã được hỏa thiêu hay chôn lấp, đang bị mục nát hư hoại. Ý các thầy nghĩ sao? Có phải sắc đẹp trước kia đã biến mất và tai họa sanh ra chăng?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy!

– Lại nữa, nếu thấy xác nàng ấy ở trong nghĩa địa, hài cốt xám xanh, mục nát quá nửa, xương vãi trên đất. Ý các thầy nghĩ sao? Có phải sắc đẹp trước kia đã biến mất và tai họa sanh ra chăng?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy!

– Lại nữa, nếu thấy xác nàng ấy ở trong nghĩa địa, tiêu hết da thịt, máu huyết, chỉ còn dính gân. Ý các thầy nghĩ sao? Có phải sắc đẹp trước kia đã biến mất và tai họa sanh ra chăng?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy!

– Lại nữa, nếu thấy xác nàng ấy ở trong nghĩa địa, xương rời từng đốt, tản mát khắp nơi: Xương chân, xương đùi, xương đầu gối, xương bắp vế, xương sống, xương vai, xương cổ, xương sọ, mỗi thứ một nơi. Ý các thầy nghĩ sao? Có phải sắc đẹp trước kia đã biến mất và tai họa sanh ra chăng?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy!

– Lại nữa, nếu thấy xác nàng ấy ở trong nghĩa địa, xương trắng như vỏ ốc, xanh như lông chim câu, đỏ như màu máu, hư hại mục nát. Ý các thầy nghĩ sao? Có phải sắc đẹp trước kia đã biến mất và tai họa sanh ra chăng?

– Bạch Thế Tôn, đúng vậy!

– Như vậy gọi là tai họa của sắc.

Thế nào là sự xuất yếu của sắc? Nếu đoạn trừ sắc, xả ly sắc, diệt hết sắc, vượt qua khỏi sắc. Như vậy gọi là sự xuất yếu của sắc.

Nếu Sa-môn, Phạm chí nào mà không biết đúng như thật vị ngọt của sắc, tai họa của sắc, sự xuất yếu của sắc thì không bao giờ có thể tự mình đoạn sắc, hướng nữa là đoạn sắc cho kẻ khác. Nếu Sa-môn, Phạm chí nào biết đúng như thật vị ngọt của sắc, tai họa của sắc, sự xuất yếu của sắc thì có thể tự mình đoạn sắc và có thể đoạn sắc cho kẻ khác.

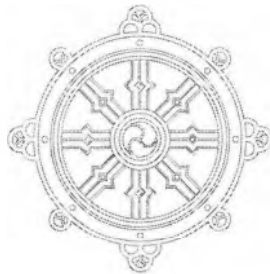
Thế nào là vị ngọt của cảm giác? Đó là Tỳ-kheo ly dục, ly pháp ác, bất thiện, thành tựu và an trú cho đến Thiên thứ tư. Lúc đó, vị ấy không nghĩ đến việc tự hại, cũng không nghĩ đến sự hại người. Nếu không nghĩ đến hại thì đó là vị ngọt của cảm giác lạc. Vì sao vậy? Vì không nghĩ đến sự làm hại thì thành tựu được cảm giác lạc ấy. Như vậy gọi là vị ngọt của cảm giác.

Thế nào là tai họa của cảm giác? Cảm giác là pháp vô thường, khổ và hoại diệt. Như vậy gọi là tai họa của cảm giác.

Thế nào là sự xuất yếu của cảm giác? Nếu đoạn trừ cảm giác, xả ly cảm giác, diệt hết cảm giác, vượt qua cảm giác. Như vậy gọi là sự xuất yếu của cảm giác.

Nếu Sa-môn, Phạm chí nào không biết đúng như thật vị ngọt của cảm giác, tai họa của cảm giác, xuất yếu của cảm giác thì không bao giờ có thể tự mình đoạn trừ cảm giác, hướng nữa là đoạn trừ cảm giác cho kẻ khác. Nếu Sa-môn, Phạm chí nào biết đúng như thật vị ngọt của cảm giác, tai họa của cảm giác, xuất yếu của cảm giác thì tự mình có thể đoạn trừ cảm giác và còn có thể đoạn trừ cảm giác cho kẻ khác.

Đức Thế Tôn thuyết giảng như vậy, các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe xong, hoan hỷ phụng hành.



100. KINH KHỔ ẤM (B)

Tôi nghe như vậy:

Một thời, đức Phật đến Thích-kỳ-sầu, trú tại Ca-duy-la-vệ, vườn Ni-câu-loại.

Bấy giờ, Thích Ma-ha-nam, sau bữa ăn trưa tìm đến chỗ Phật, đánh lễ dưới chân Ngài rồi ngồi qua một bên và bạch:

– Bạch Thế Tôn, con biết Thế Tôn dạy pháp như vậy, khiến tâm con được diệt ba uế: Nhiễm tâm uế, nhuế tâm uế và si tâm uế. Bạch đức Thế Tôn, con biết pháp ấy như vậy, nhưng trong tâm con lại sanh nhiễm pháp, nhuế pháp và si pháp. Bạch Thế Tôn, con suy nghĩ như vậy: “Ta có pháp gì không bị diệt trừ, khiến tâm ta lại sanh pháp nhiễm, pháp nhuế và pháp si?”

Đức Thế Tôn bảo:

– Nay Ma-ha-nam, ông có một pháp không bị diệt trừ, nghĩa là ông sống tại gia, không chí tín, không lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo. Nay Ma-ha-nam, nếu ông diệt được pháp đó, ông sẽ không sống tại gia mà chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo. Bởi vì ông có một pháp không bị diệt trừ là sống tại gia, không chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình mà học đạo.

Khi ấy, Thích Ma-ha-nam liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trích áo bày vai hữu, chấp tay hướng về đức Phật và bạch:

– Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn nói pháp cho con nghe, để tâm con được thanh tịnh, trừ nghi, được đến đạo!

Đức Thế Tôn dạy:

– Nay Ma-ha-nam, có đặc tính của năm dục, đáng yêu, đáng mơ tưởng, hoan hỷ, đi đôi với dục, khiến cho người ta ham thích. Những gì là năm: Đó là mắt thấy sắc, tai nghe âm thanh, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị và thân cảm xúc. Do đây mà nhà vua và quyến thuộc của nhà vua được an lạc, hoan hỷ.

Này Ma-ha-nam, vị ngọt của dục chỉ cùng cực đến đó chứ không hơn nữa, nhưng tai họa của nó thì lại rất nhiều. Nay Ma-ha-nam, thế nào là tai họa của dục? Nay Ma-ha-nam, một thiện nam tử tùy theo kỹ thuật riêng để tự mưu sinh, hoặc làm ruộng, buôn bán, hoặc đọc sách, hoặc giỏi toán thuật, biết công số, khéo in khắc, làm văn chương, tạo thủ bút, hoặc hiểu kinh thơ, hoặc làm võ tướng, hoặc phụng sự vua. Người ấy khi gặp lạnh phải chịu lạnh, khi gặp nóng phải chịu nóng, bị đói khát, mệt nhọc, bị muỗi mòng châm chích; người ấy

phải làm nghề nghiệp như thế để mong kiếm được tiền của. Nay Ma-ha-nam, thiện nam tử ấy bằng những phương tiện như vậy, làm những công việc như vậy, để mong cầu như vậy, nhưng nếu không kiếm được tiền của thì sinh khổ sở, lo buồn, rầu rĩ, tâm thần si ám và nói rằng: “Luống công làm lụng, khổ nhọc vô ích mà không có kết quả.” Nay Ma-ha-nam, thiện nam tử ấy, bằng những phương tiện như vậy, làm công việc như vậy, mong cầu như vậy, nếu kiếm được tiền của, người ấy sinh yêu quý, giữ gìn, cất giấu. Vì sao vậy? “Tài vật này của ta, đừng để bị vua đoạt, giặc cướp, lửa thiêu, hư hại, mất mát, hoặc xuất tài vô lợi, hoặc làm việc gì mà không thành tựu.” Người ấy giữ gìn, cất giấu như vậy, nhưng nếu rủi bị vua đoạt, giặc cướp, lửa thiêu, hư hại, mất mát thì sinh khổ sở, lo buồn, rầu rĩ, tâm thần si ám và cho rằng: “Vật ta yêu quý nhớ nghĩ suốt đêm ngày, nay đã không còn.” Nay Ma-ha-nam, đó là nỗi khổ ở đời này, nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

Lại nữa, nay Ma-ha-nam, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên mẹ tranh giành với con, con tranh giành với mẹ, cha con, anh em, chị em, bà con, dòng họ giành giết lẫn nhau. Vì giành giết lẫn nhau như vậy nên mẹ bêu xấu con, con bêu xấu mẹ, cha con, anh em, chị em, bà con dòng họ bêu xấu lẫn nhau; thân thích còn vậy huống nữa là người ngoài. Đó là những nỗi khổ ở đời này, nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

Lại nữa, nay Ma-ha-nam, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên vua tranh giành với vua, Phạm chí tranh giành với Phạm chí, cư sĩ tranh giành với cư sĩ, dân tranh giành với dân, nước này tranh giành với nước nọ. Bởi tranh giành nên thù nghịch nhau rồi dùng đủ loại binh khí để làm hại nhau, hoặc nắm tay thoi, ném đá, hoặc dùng gậy đánh, đao chặt. Trong khi giao đấu kẻ chết, người sợ hãi, khổ sở vô cùng. Nay Ma-ha-nam, đó là những nỗi khổ ở đời này, nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

Lại nữa, nay Ma-ha-nam, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên mang áo giáp, khoác trường bào, cầm giáo, cung tên, hoặc cầm đao thuận đi vào quân trận, hoặc đánh nhau bằng voi, bằng ngựa, bằng xe, hoặc dùng bộ binh đánh nhau, hoặc cho trai gái đánh nhau. Trong khi giao đấu, kẻ chết, người sợ hãi, khổ sở vô cùng. Nay Ma-ha-nam, đó là nỗi khổ ở đời này, nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

Lại nữa, nay Ma-ha-nam, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên mang áo giáp, khoác trường bào, cầm giáo, cung tên; hoặc cầm đao thuận đi tranh đoạt nước người, công thành, phá lũy, chống đối lẫn nhau, thúc trống, thổi kèn, bắt loa kêu réo; hoặc dùng chày đập, hoặc dùng mâu kích, hoặc dùng bánh xe bén, hoặc lăn đá đè, hoặc dùng nỏ lớn, hoặc rót nước đồng sôi vào mắt. Trong khi giao đấu, kẻ chết, người sợ hãi, khổ sở vô cùng. Nay Ma-ha-nam, đó là nỗi khổ ở đời này, nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

Lại nữa, này Ma-ha-nam, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên mang áo giáp, khoác trường bào, cầm giáo, cung tên, hoặc cầm đao thuân vào xóm, vào ấp, vào nước, vào thành thị, đục vách, phá kho, cướp đoạt tài vật, chặn đường giao thông, hoặc đến ngõ khác phá xóm, phá làng, phá thành, diệt nước. Lúc đó, hoặc bị người của vua bắt được, đem khảo trị đủ cách: Chặt tay, chặt chân, chặt cả tay chân; cắt tai, cắt mũi, hoặc cắt cả tai mũi; hoặc lóc từng miếng thịt; bứt râu, bứt tóc, hoặc bứt cả râu tóc; hoặc nhốt vào cũi, quần vải hỏa thiêu; hoặc ủ trong cát, buộc cổ rồi đốt; hoặc bỏ vào bụng lừa sắt; hoặc bỏ vào miệng heo sắt; hoặc đặt vào miệng cọp sắt rồi đốt; hoặc bỏ vào vạc đồng, hoặc bỏ vào vạc sắt rồi nấu; hoặc chặt ra từng khúc, hoặc dùng xoa bén đâm; hoặc lấy móc sắt móc; hoặc bắt nằm trên giường sắt rồi lấy dầu sôi rót; hoặc bắt ngồi trong cối sắt rồi lấy chày sắt giã; hoặc cho rắn rít mổ cắn; hoặc dùng roi quất; hoặc dùng gậy thọc; hoặc dùng dùi đánh; hoặc đem thây bêu ở nguyên quán; hoặc chém đầu rồi bêu lên trên cây. Trong trường hợp đó, kẻ ấy hoặc chết, hoặc sợ hãi, khổ sở vô cùng. Này Ma-ha-nam, đó là những nỗi khổ ở đời này, nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

Lại nữa, này Ma-ha-nam, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên thân làm ác, khẩu, ý làm ác. Người ấy về sau bị bệnh nằm liệt giường, hoặc nằm lăn trên đất vì khổ bức thân, toàn thân cảm giác khổ sở vô cùng, không còn được yêu thích. Người ấy vì lúc trước thân làm ác, khẩu, ý làm ác, khi sắp chết chúng che ngay trước mắt, giống như mặt trời sắp lặn, bóng sườn núi lớn che lấp mặt đất. Cũng vậy, người ấy bị những ác hạnh của thân, khẩu và ý che lấp trước mắt, người ấy nghĩ rằng: “Các ác hạnh ta làm trước kia bây giờ chúng che lấp trước mắt ta. Trước kia ta không tạo phước nghiệp mà chỉ tạo toàn ác nghiệp. Giả sử có ai chỉ làm việc ác, hung bạo, không tạo phước, không hành thiện, khi sống không biết lo sợ, gần chết không chỗ nương cậy, không chỗ quay về. Người ấy thác sanh về chỗ nào thì ta chắc cũng sẽ thác sanh về chỗ đó.” Do đó, sanh hối hận mà chết không an lành, chết không được phước. Này Ma-ha-nam, đó là những nỗi khổ ở đời này, nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

Lại nữa, này Ma-ha-nam, vì chúng sanh nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc nên thân làm ác, khẩu, ý làm ác. Người ấy vì thân làm ác, khẩu, ý làm ác nên nhân nơi đó, duyên nơi đó mà khi thân hoại mạng chung phải đến chỗ ác, sanh vào địa ngục. Này Ma-ha-nam, đó là những nỗi khổ ở đời sau, nhân nơi dục, duyên nơi dục, lấy dục làm gốc.

Này Ma-ha-nam, vì vậy nên biết dục tuyệt đối không có lạc, chỉ toàn là khổ hoạn. Đa văn Thánh đệ tử nếu không biết đúng như thật, vị ấy bị dục ngăn che, chẳng được xả dục và vô thượng tịch tĩnh. Này Ma-ha-nam, vị đa văn Thánh đệ tử như vậy sẽ nhân nơi dục mà bị thối chuyển. Này Ma-ha-nam, Ta biết là dục không có lạc mà chỉ toàn là khổ hoạn. Này Ma-ha-nam, Ta biết đúng như thật

nên không bị dục ngăn che, cũng không bị pháp ác ràng buộc, vì vậy được xả lạc và vô thượng tịch tĩnh. Nay Ma-ha-nam, vì vậy Ta không nhân nơi dục mà bị thối chuyển.

Này Ma-ha-nam, một hôm, du hóa thành Vương Xá, trú trong động Tiên nhơn (Thất Diệp), trên núi Bệ-đa-la. Nay Ma-ha-nam, bấy giờ vào lúc xế trưa, Ta từ chỗ ngồi thiền đứng dậy, đi đến Quảng Sơn, Ta thấy ở đó có nhiều người Ni-kiền đang tu hạnh không ngồi, thường đứng mà không ngồi, chịu khổ cùng cực. Ta bước đến hỏi: “Này các Ni-kiền, vì sao các ông tu hạnh không ngồi này, thường đứng không ngồi, chịu khổ như vậy?” Họ trả lời như vậy: “Thưa Cù-đàm, tôi có Tôn sư Ni-kiền tên là Thân Tử, ngài dạy tôi rằng: ‘Kiếp trước ông tạo nghiệp bất thiện, nhờ khổ hạnh này ông sẽ diệt được. Nếu nay giữ gìn diệu hạnh của thân, giữ gìn diệu hạnh của khẩu, ý thì sẽ do nhân đó, duyên đó mà không trở lại làm ác, không tạo nghiệp bất thiện.’”

Này Ma-ha-nam, Ta hỏi lại: “Này các Ni-kiền, các ông tin tưởng Tôn sư, không hề nghi ngờ gì cả chăng?” Họ trả lời Ta: “Đúng vậy, thưa Cù-đàm, chúng tôi tin tưởng các đức Tôn sư không hề nghi ngờ gì cả!”

Này Ma-ha-nam, Ta lại hỏi: “Này các Ni-kiền, nếu quả như vậy thì Tôn sư Ni-kiền của các ông trước kia đã tạo các ác nghiệp bất thiện rất nặng; vị ấy vốn trước kia là Ni-kiền rồi chết đi, nay sanh vào nhân gian, xuất gia làm Ni-kiền, tu hạnh không ngồi, thường đứng không ngồi, chịu khổ sở như vậy, cũng như các ông và đệ tử các ông vậy.” Họ lại nói với Ta: “Thưa Cù-đàm, an lạc không phải do an lạc mà có được mà chủ yếu do khổ đau, như sự an lạc của vua Tần-bệ-ta-la thì Sa-môn Cù-đàm không bằng vậy.”

Ta lại nói: “Các ông si cuồng, nói những lời vô nghĩa. Vì sao vậy? Vì các ông không khéo léo, không hiểu gì cả mà cũng không biết thời, khi các ông nói: ‘Như sự an lạc của vua Tần-bệ-ta-la thì Sa-môn Cù-đàm không bằng được.’” Nay các Ni-kiền, đáng lẽ các ông phải hỏi như thế này: ‘Giữa vua Tần-bệ-ta-la và Sa-môn Cù-đàm, sự an lạc nào hơn?’ Nay các Ni-kiền, nếu như Ta nói rằng sự an lạc của Ta hơn, vua Tần-bệ-ta-la không bằng, thì nay các Ni-kiền, các ông có thể nói như vậy: ‘Sự an lạc của vua Tần-bệ-ta-la, Sa-môn Cù-đàm không bằng.’” Các Ni-kiền đó liền nói: “Thưa Cù-đàm, nay chúng tôi muốn hỏi Cù-đàm, giữa vua Tần-bệ-ta-la và Sa-môn Cù-đàm, ai an lạc hơn?”

Ta lại nói: “Này các Ni-kiền, Ta nay hỏi các ông, tùy theo sự hiểu biết mà trả lời. Nay các Ni-kiền, ý các ông thế nào? Vua Tần-bệ-ta-la có đạt được sự tịch mặc vô ngôn như ý, nhân đó mà được hoan hỷ, khoái lạc trong bảy ngày bảy đêm không?” Các Ni-kiền đáp: “Dạ không, thưa Cù-đàm!”

“Thế có được hoan hỷ, khoái lạc trong vòng, sáu, năm, bốn, ba, hai, một ngày một đêm không?”

Ni-kiền đáp: “Dạ không, thưa Cù-đàm!”

Ta lại hỏi: “Này các Ni-kiền, Ta có đạt được sự tịch mặc vô ngôn như ý, nhân đó mà được hoan hỷ, khoái lạc trong một ngày một đêm không?”

Các Ni-kiền đáp: “Dạ được, thưa Cù-đàm!”

“Thế có được hoan hỷ trong vòng hai, ba, bốn, năm, sáu cho đến bảy ngày đêm không?”

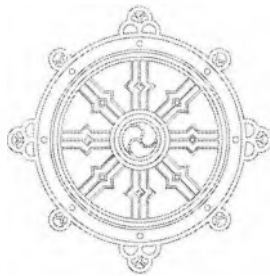
Các Ni-kiền đáp: “Dạ được, thưa Cù-đàm!”

Ta lại hỏi tiếp: “Này các Ni-kiền, ý các ông thế nào? Ai sung sướng hơn, vua Tần-bệ-ta-la hay là Ta?” Các Ni-kiền đáp: “Thưa Cù-đàm, như chúng tôi hiểu theo sự trình bày của Sa-môn Cù-đàm thì Sa-môn Cù-đàm sung sướng hơn, vua Tần-bệ-ta-la không bằng.”

Này Ma-ha-nam, vì vậy nên biết là nơi dục không có lạc, chỉ toàn là khổ hoạn. Đa văn Thánh đệ tử nên thấy như vậy. Nếu đa văn Thánh đệ tử không thấy đúng như vậy thì họ sẽ bị dục ngăn che, bị ác, bất thiện pháp trói buộc, không đạt được xả lạc và an tịnh vô thượng. Như vậy, này Ma-ha-nam, họ sẽ do nơi dục mà bị thối chuyển.

Này Ma-ha-nam, Ta biết là nơi dục không có lạc, chỉ toàn là khổ hoạn. Ta biết đúng như thật nên không bị dục ngăn che, cũng không bị pháp ác, bất thiện ràng buộc, vì vậy được xả lạc và giải thoát vô thượng. Này Ma-ha-nam, vì vậy Ta không do dục mà bị thối chuyển.

Phật dạy như vậy, Thích Ma-ha-nam và các Tỳ-kheo nghe xong đều hoan hỷ phụng hành.



101. KINH TĂNG THƯỢNG TÂM

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nếu Tỳ-kheo muốn được tăng thượng tâm thì cần phải luôn luôn suy niệm năm tướng. Luôn niệm năm tướng thì niệm bất thiện đã sanh liền được trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an trú, nội tâm được tĩnh chỉ, chuyên nhất, được định tĩnh. Năm tướng đó là những gì?

Là Tỳ-kheo khi suy niệm về một tướng tương ưng với thiện. Nếu sanh niệm bất thiện, vị Tỳ-kheo đó nhân nơi tướng này lại suy niệm về một tướng khác tương ưng với thiện, khiến niệm ác, bất thiện không sanh nữa. Khi vị Tỳ-kheo đó nhân nơi tướng này lại suy niệm về một tướng khác tương ưng với thiện thì niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, được định tĩnh. Cũng như thầy trò thợ mộc kéo thẳng dây mực, búng lên thân cây, rồi dùng rìu bén mà đẽo cho thẳng; Tỳ-kheo cũng vậy, nhân nơi tướng này mà suy niệm một tướng khác tương ưng với thiện, khiến niệm ác, bất thiện không sanh nữa. Khi vị Tỳ-kheo đó nhân nơi tướng này lại suy niệm một tướng khác tương ưng với thiện, niệm ác, bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm liền được an trú, bên trong tĩnh chỉ, chuyên nhất, đặc định. Nếu Tỳ-kheo muốn được tăng thượng tâm, cần phải luôn luôn suy niệm tướng thứ nhất này. Do suy niệm tướng này, niệm bất thiện đã sanh liền được trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, được định tĩnh.

Lại nữa, Tỳ-kheo khi suy niệm về một tướng tương ưng với thiện, nếu sanh niệm bất thiện thì vị Tỳ-kheo đó quán rằng: “Suy niệm về ác này có tai họa, suy niệm này là bất thiện, suy niệm này là ác, suy niệm này bị người trí ghét, suy niệm này nếu đầy đủ thì không được thông suốt, không được giác đạo, không được Niết-bàn, vì nó khiến sanh niệm ác, bất thiện.” Vị Tỳ-kheo đó quán ác như vậy, niệm bất thiện sanh, liền bị trừ diệt. Nếu ác diệt rồi, liền được an trú, bên trong tĩnh chỉ, chuyên nhất, được định tĩnh. Như có người thiếu niên đẹp trai, khả ái, tắm gội sạch sẽ, mặc y phục đẹp đẽ, lấy hương xoa khắp thân, cạo sửa râu tóc, khiến rất tinh khiết. Nếu lấy xác rắn, xác chó, hoặc xác người đã thâm xanh, sinh chướng, thổi rửa, chảy nước dơ, đeo tròng vào cổ người ấy; người ấy liền ghét sự dơ bẩn nên không hỷ, không lạc. Tỳ-kheo cũng vậy, vị Tỳ-kheo nào

quán rằng: “Niệm ác này có tai họa, niệm này không thiện, niệm này là ác, niệm này bị người trí ghét. Nếu đầy đủ niệm này thì không được thông suốt, không được giác đạo, không được Niết-bàn, vì nó khiến sanh niệm ác, bất thiện.” Vị Tỳ-kheo đã quán ác như vậy, niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, được định tĩnh. Nếu Tỳ-kheo muốn được tăng thượng tâm, cần phải luôn luôn niệm tướng thứ hai này. Khi niệm về tướng này thì niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, được định tĩnh.

Lại nữa, Tỳ-kheo khi suy niệm về một tướng tương ưng với thiện mà sanh niệm bất thiện, và khi quán niệm ác có tai họa mà lại sanh niệm bất thiện nữa; vị Tỳ-kheo đó không nên suy niệm về niệm này, vì nó khiến sanh niệm ác, bất thiện. Vị Tỳ-kheo đó không suy niệm về niệm này nữa thì niệm bất thiện đã sanh liền được trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, được định tĩnh. Như người có mắt, cảnh sắc nằm trong ánh sáng, nhưng không muốn nhìn, người đó hoặc nhắm mắt, hoặc lánh thân đi. Ý các thầy thế nào? Cảnh sắc nằm trong ánh sáng, người đó có thể cảm nhận được sắc dạng của sắc không?

Đáp rằng:

– Thừa không!

– Tỳ-kheo cũng vậy, không nên suy niệm về niệm này, vì nó khiến sanh niệm ác, bất thiện. Khi vị Tỳ-kheo đó không suy niệm về niệm này nữa, niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, được định tĩnh. Nếu Tỳ-kheo muốn được tăng thượng tâm cần phải luôn luôn suy niệm tướng thứ ba này. Suy niệm về tướng này thì niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, đắc được định tĩnh.

Lại nữa, Tỳ-kheo khi suy niệm về một tướng tương ưng với thiện mà sanh niệm bất thiện, khi quán niệm ác có tai họa cũng sanh niệm bất thiện, và trong khi không suy niệm về niệm đó nữa cũng lại sanh niệm bất thiện; vị Tỳ-kheo đó, vì niệm này, phải dùng hành tướng của tư duy để giảm dần sự niệm của mình, khiến không sanh niệm ác, bất thiện. Khi vì niệm này, vị Tỳ-kheo đó phải dùng hành tướng tư duy để giảm dần sự suy niệm của mình thì niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm thường an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, được định tĩnh. Như có người đi đường, bước nhanh trên đường, người đó nghĩ rằng: “Tại sao ta đi nhanh? Bây giờ, ta hãy đi chậm được chăng?” Người ấy liền đi chậm lại, nhưng rồi lại nghĩ: “Tại sao ta đi chậm? Sao ta chẳng đứng lại?” Người ấy liền đứng lại, nhưng rồi lại nghĩ: “Tại sao ta lại đứng? Ta ngồi xuống được chăng?” Người ấy liền ngồi xuống, nhưng rồi lại nghĩ: “Tại sao ta lại ngồi? Ta nằm xuống được chăng?” Người ấy liền nằm xuống. Như vậy là người ấy đang thực hành pháp đình chỉ dần dần hành tướng thô của thân. Nên biết, Tỳ-kheo cũng giống như thế. Vì niệm này, vị Tỳ-kheo đó phải dùng hành

tướng của tư duy mà giảm dần suy niệm của mình để không sanh niệm ác, bất thiện. Khi vì niệm này, vị Tỳ-kheo đó phải dùng hành tướng của tư duy giảm dần suy niệm của mình thì niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm liền được an trú, bên trong tĩnh chỉ, chuyên nhất, được định tĩnh. Nếu Tỳ-kheo muốn được tăng thượng tâm, cần phải luôn luôn suy niệm tướng thứ tư này. Suy niệm tướng này thì niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm liền được an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, được định tĩnh.

Lại nữa, Tỳ-kheo khi suy niệm về một tướng tương ưng với thiện mà sanh niệm bất thiện, khi quán niệm ác có tai họa mà cũng sanh niệm bất thiện, khi không suy niệm về niệm đó cũng sanh niệm bất thiện, cho đến phải dùng hành tướng của tư duy để giảm dần sự suy niệm của mình cũng lại sanh tiếp về niệm bất thiện nữa; vị Tỳ-kheo ấy nên quán như vậy: “Tỳ-kheo vì nhân nơi suy niệm này mà sanh niệm bất thiện.” Vị Tỳ-kheo ấy liền ngậm khít răng lại, lưỡi ấn lên khẩu cái, dùng tâm để tu tâm, nắm vững và hàng phục tâm, khiến không có niệm ác, bất thiện. Khi vị Tỳ-kheo ấy dùng tâm tu tâm, thọ trì và hàng phục tâm thì niệm bất thiện đã sanh liền được trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm liền được an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, được định tĩnh. Như hai lực sĩ bắt một người yếu, nắm vững và hàng phục nó; Tỳ-kheo cũng vậy, răng ngậm khít lại, lưỡi ấn lên khẩu cái, dùng tâm tu tâm, nắm vững và hàng phục tâm để không sanh niệm ác, bất thiện. Khi vị Tỳ-kheo ấy, dùng tâm tu tâm, nắm vững và hàng phục tâm thì niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm liền được an trú, bên trong tĩnh chỉ, chuyên nhất, được định tĩnh. Nếu Tỳ-kheo muốn được tăng thượng tâm, vị ấy cần phải luôn luôn suy niệm tướng thứ năm này. Suy niệm tướng này thì niệm bất thiện đã sanh liền được trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm liền được an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, được định tĩnh.

Nếu Tỳ-kheo muốn được tăng thượng tâm, cần phải luôn luôn suy niệm năm tướng này. Luôn luôn suy niệm năm tướng này thì niệm bất thiện đã sanh liền bị trừ diệt. Niệm ác diệt rồi, tâm liền được an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, được định tĩnh.

Nếu Tỳ-kheo khi suy niệm về một tướng tương ưng với thiện mà không sanh niệm ác, khi quán niệm ác có tai họa cũng không sanh niệm ác, khi không suy niệm về niệm đó cũng không sanh niệm ác, khi dùng hành tướng của tư duy để giảm dần sự suy niệm của mình cũng không sanh niệm ác, và khi dùng tâm tu tâm, nắm vững và hàng phục tâm cũng lại không sanh niệm ác nữa thì vị ấy liền được tự tại, muốn suy niệm thì suy niệm, không suy niệm thì không suy niệm.

Nếu Tỳ-kheo muốn niệm thì niệm, không muốn niệm thì không niệm, đó là Tỳ-kheo đã được tùy ý trong suy niệm, tự tại trong các con đường suy niệm.

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

102. KINH NIỆM

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Xưa kia, khi chưa chứng quả Giác ngộ Vô thượng Chánh tận, Ta nghĩ rằng: “Ta hãy chia các suy niệm làm hai phần: Niệm dục, niệm nhuế, niệm hại làm một phần; niệm vô dục, niệm vô nhuế, niệm vô hại làm một phần khác.” Sau đó, Ta liền chia các niệm làm hai phần: Niệm dục, niệm nhuế, niệm hại làm một phần; niệm vô dục, niệm vô nhuế, niệm vô hại làm một phần khác.

Thế rồi, Ta thực hành như vậy ở nơi xa vắng, đơn độc, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nếu sanh niệm dục, Ta liền biết là đang sanh niệm dục, sẽ hại mình, hại người, hại cả hai, diệt trí tuệ, nhiều phiền nhọc, không chứng đắc Niết-bàn. Biết vậy rồi thì việc hại mình, hại người, hại cả hai, diệt trí tuệ, nhiều phiền nhọc, không chứng đắc Niết-bàn liền tiêu diệt nhanh chóng. Nếu sanh niệm nhuế, niệm hại, Ta liền biết là đang sanh niệm nhuế, niệm hại, sẽ hại mình, hại người, hại cả hai, diệt trí tuệ, nhiều phiền nhọc, không chứng đắc Niết-bàn. Biết vậy rồi thì việc hại mình, hại người, hại cả hai, diệt trí tuệ, nhiều phiền nhọc, không chứng đắc Niết-bàn liền được tiêu diệt nhanh chóng.

Khi sanh niệm dục, Ta không thọ nhận, mà vứt bỏ, đoạn trừ; sanh niệm nhuế, niệm hại Ta cũng không thọ nhận, mà vứt bỏ, đoạn trừ. Vì sao vậy? Vì Ta thấy rằng, nhân nơi đó mà sanh vô lượng pháp ác, bất thiện. Ví như vào tháng cuối xuân, vì đã trồng lúa nên đất thả trâu không được rộng; đứa chăn trâu thả trâu nơi đồng ruộng, trâu vào đất người, nó liền cầm roi đến ngăn lại. Vì sao vậy? Vì đứa chăn trâu biết rằng nhân nơi đó mà sẽ bị chửi, bị đánh, bị trói, có lỗi vậy. Do đó, đứa chăn trâu cầm roi đến ngăn lại. Ta cũng vậy, sanh niệm dục, Ta không thọ nhận, mà vứt bỏ, đoạn trừ; sanh niệm nhuế, niệm hại Ta cũng không thọ nhận, mà vứt bỏ, đoạn trừ. Vì sao vậy? Vì Ta thấy nhân nơi đó mà sanh vô lượng pháp ác, bất thiện.

Tỳ-kheo tùy theo sự tư duy, tùy theo sự suy niệm của mình mà tâm sanh ham thích trong đó. Nếu Tỳ-kheo tư niệm quá nhiều về dục tất sẽ bỏ niệm vô dục; vì tư niệm nhiều về dục, cho nên tâm sanh ham thích trong đó. Nếu Tỳ-kheo tư niệm quá nhiều về niệm nhuế, niệm hại, tất sẽ xả bỏ niệm vô nhuế và niệm vô hại; vì tư niệm quá nhiều về niệm nhuế và niệm hại nên tâm sanh ham thích trong đó. Tỳ-kheo như vậy, nếu không lìa được dục, không lìa được niệm

nhuế và niệm hại, sẽ không thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu sầu, khóc lóc, cũng không thể xa lìa khỏi tất cả mọi sự khổ.

Thế rồi, Ta thực hành như vậy ở nơi xa vắng, đơn độc, tâm không phóng dật, tu hành tinh tấn. Nếu sanh niệm vô dục, Ta liền biết là đang sanh niệm vô dục, sẽ không hại mình, không hại người, không hại cả hai, tu trí tuệ, không phiền nhọc mà chứng đắc Niết-bàn. Biết vậy rồi thì liền không hại mình, không hại người, không hại cả hai, tu trí tuệ, không phiền nhọc mà chứng đắc Niết-bàn, liền được tu tập nhanh chóng và rộng rãi. Nếu lại sanh niệm vô nhuế, niệm vô hại, Ta liền biết là đang sanh niệm vô nhuế, niệm vô hại, sẽ không hại mình, không hại người, không hại cả hai, tu trí tuệ, không phiền nhọc mà chứng đắc Niết-bàn. Biết vậy rồi thì việc không hại mình, không hại người, không hại cả hai, tu trí tuệ, không phiền nhọc mà chứng đắc Niết-bàn, liền tu tập nhanh chóng và rộng rãi.

Khi Ta sanh ra quá nhiều tư niệm về niệm vô dục, quá nhiều tư niệm về niệm vô nhuế, vô hại thì Ta lại suy nghĩ như vậy: “Nếu tư niệm quá nhiều thì thân sẽ mất hỷ, tâm liền bị tổn hại. Ta hãy đối trị nội tâm, thường an trú, nội tâm tĩnh chỉ, chuyên nhất, được định tĩnh để tâm không bị tổn hại.” Sau đó, Ta liền đối trị nội tâm, thường an trú ở nội tâm, tĩnh chỉ, chuyên nhất, được định tĩnh mà tâm không bị tổn hại.

Ta đã sanh khởi niệm vô dục rồi, lại sanh khởi suy niệm về hướng pháp, thứ pháp; sanh khởi niệm vô nhuế, niệm vô hại rồi, lại cũng sanh khởi suy niệm về hướng pháp, thứ pháp. Vì sao vậy? Vì Ta không thấy nhân nơi đó mà sanh vô lượng pháp ác, bất thiện. Ví như vào tháng cuối thu, đã gặt hết lúa; khi đó, đưa chăn trâu thả trâu nơi đồng ruộng mà nghĩ rằng: “Trâu ta ở trong bầy.” Vì sao vậy? Vì đưa chăn trâu không thấy rằng nhân nơi đó mà bị chửi, bị đánh, bị trói, có lỗi. Do đó, nó nghĩ: “Trâu ta ở trong bầy.” Ta cũng như vậy, sanh niệm vô dục rồi, lại sanh niệm hướng pháp, thứ pháp; sanh niệm vô nhuế, niệm vô hại rồi, lại cũng sanh niệm hướng pháp, thứ pháp. Vì sao vậy? Vì Ta không thấy nhân nơi đó mà sanh vô lượng pháp ác, bất thiện.

Tỳ-kheo tùy sự tư duy, tùy sự suy niệm mà tâm ham thích trong đó. Nếu Tỳ-kheo tư niệm nhiều về niệm vô dục thì sẽ xả bỏ niệm dục; tư niệm nhiều về niệm vô dục nên tâm ham thích trong đó. Nếu Tỳ-kheo tư niệm nhiều về niệm vô nhuế, niệm vô hại thì sẽ xả bỏ niệm nhuế, niệm hại; vì tư niệm nhiều về niệm vô nhuế, niệm vô hại nên tâm ham thích trong đó. Vị Tỳ-kheo đó, giác quán đã dứt, nội tĩnh, nhất tâm, không giác không quán, định sanh hỷ lạc, chứng Thiền thứ hai, thành tựu và an trú. Vị Tỳ-kheo đó ly hỷ dục, xả bỏ, vô cầu, chánh niệm, chánh trí mà thân cảm giác lạc, điều mà bậc Thánh gọi là Thánh xả niệm lạc trú định, chứng đắc Thiền thứ ba, thành tựu an trú. Vị Tỳ-kheo đó diệt lạc, diệt khổ, diệt ưu hỷ vốn đã có, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh, chứng Thiền thứ tư, thành tựu an trú. Như vậy là Tỳ-kheo đó định tâm, thanh tịnh, không ô uế, không phiền não, nhu nhuyến, khéo an trú, chứng đắc tâm bất

động, hướng đến quả vị lậu tận, tự thân chứng ngộ trí thông, liền biết như thật rằng: Đây là khổ, đây là khổ tập, đây là khổ diệt; và biết như thật: Đây là khổ diệt đạo; cũng biết như thật: Đây là lậu, đây là lậu tập, đây là lậu diệt và đây là lậu diệt đạo. Vị Tỳ-kheo đã biết như vậy, thấy như vậy rồi thì tâm giải thoát dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Giải thoát rồi, biết mình đã giải thoát, biết đúng như thật rằng: “Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.”

Khi vị Tỳ-kheo này đã lìa niệm dục, lìa niệm nhuế, lìa niệm hại thì vị ấy được giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, buồn lo, khóc lóc, lìa tất cả khổ. Ví như ở một khu rừng có suối nước lớn, có bầy nai nọ đến đó rong chơi; có một người đến, không muốn vì sự lợi ích phước lành cho bầy nai đó, vì không muốn sự an ổn, khoái lạc cho chúng, liền bít con đường chánh, mở con đường hiểm, đào hầm hố lớn rồi cho người coi giữ. Như vậy, tất cả bầy nai đều bị chết hết. Lại có một người khác đến, muốn cho bầy nai kia được lợi ích, phước lành, được an ổn, khoái lạc, liền mở con đường chánh, bít lấp đường hiểm, đuổi người coi giữ. Như vậy, bầy nai được cứu thoát an ổn.

Này các Tỳ-kheo, nên biết, Ta nói ví dụ này là muốn để các thầy biết rõ ý nghĩa. Người trí tuệ nghe ví dụ sẽ hiểu rõ ý thú. Ví dụ đó có nghĩa như vậy: Suối nước lớn là năm dục, ái niệm hoan lạc. Những gì là năm? Là mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị và thân cảm xúc. Suối nước lớn, nên biết đó là năm thứ dục lạc. Bầy nai, nên biết đó là Sa-môn, Phạm chí. Người đi đến không muốn cho bầy nai kia được lợi ích và phước lành, được an ổn, khoái lạc, nên biết đó là Ma Ba-tuần. Bít con đường chánh, mở một đường hiểm đó là ba niệm ác, bất thiện: Niệm dục, niệm nhuế và niệm hại. Đường hiểm, nên biết đó là ba niệm ác, bất thiện. Lại có con đường hiểm, đó là tám tà đạo, tà kiến cho đến tà định. Đào hầm lớn, nên biết đó là vô minh. Người coi giữ, nên biết đó là quyền thuộc của Ma Ba-tuần. Còn người đi đến, muốn cho bầy nai được lợi ích và phước lành, được an ổn, khoái lạc, nên biết đó chính là Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác. Bít lấp đường hiểm, mở con đường chánh, đó là ba niệm thiện: Niệm vô dục, niệm vô nhuế và niệm vô hại. Đường chánh, nên biết đó chính là ba niệm thiện. Lại còn có con đường chánh, đó là tám chánh đạo, chánh kiến cho đến chánh định.

Này các Tỳ-kheo, Ta đã mở con đường chánh, bít lấp con đường hiểm, san bằng hầm hố, đuổi người coi giữ cho các thầy rồi. Ví như đáng Tôn sư thương yêu đệ tử, phát khởi lòng đại từ, đại bi, mong muốn cho được lợi ích và phước lành, được an ổn, khoái lạc; điều đó Ta đã thực hiện rồi. Các thầy cũng phải tự mình thực hiện, hãy đến chỗ vô sự, núi rừng, gốc cây hoặc chỗ nào yên tĩnh mà thiền tọa tư duy, chớ nên phóng dật. Hãy chuyên cần tinh tấn, đừng để về sau phải hối hận. Đó là lời răn dạy của Ta. Đó là lời khuyên bảo của Ta.

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

103. KINH SƯ TỬ HỒNG

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật du hóa tại Câu-lâu-sấu, ở đô ấp Kiếm-ma-sắt-đàm-câu-lâu. Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Chỉ ở đây mới có Sa-môn thứ nhất, thứ hai, thứ ba và Sa-môn thứ tư; ngoài đây ra không có Sa-môn, Phạm chí. Dị đạo hoàn toàn không, không có Sa-môn, Phạm chí. Tùy chỗ trong hội chúng, các thầy hãy chân chánh rống tiếng rống sư tử như vậy.

Này các Tỳ-kheo, nếu có người dị đạo đến hỏi các thầy: “Này chư Hiền, các ông có hạnh gì, lực gì, trí gì mà các ông nói như vậy: ‘Chỉ ở đây mới có Sa-môn thứ nhất, thứ hai, thứ ba và Sa-môn thứ tư; ngoài đây ra không có Sa-môn, Phạm chí. Dị đạo hoàn toàn không, không có Sa-môn, Phạm chí. Tùy chỗ trong hội chúng mà các ông chân chánh rống tiếng rống sư tử như vậy?’”

Này các Tỳ-kheo, các thầy nên trả lời dị đạo ấy như vậy: “Này chư Hiền, đức Thế Tôn của tôi là bậc có tri, có kiến, là Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, thuyết giảng bốn pháp. Nhân nơi bốn pháp này mà chúng tôi nói như vậy: ‘Chỉ ở đây mới có Sa-môn thứ nhất, thứ hai, thứ ba và Sa-môn thứ tư; ngoài đây ra không có Sa-môn, Phạm chí. Dị đạo hoàn toàn không, không có Sa-môn, Phạm chí. Tùy chỗ trong hội chúng mà chúng tôi rống tiếng rống sư tử như vậy.’ Bốn pháp đó là những gì? Này chư Hiền, chúng tôi tin tưởng đấng Tôn sư, tin pháp, tin giới đức cụ túc, ái kính bạn đồng đạo, cung cách phụng sự. Này chư Hiền, đức Thế Tôn của chúng tôi là bậc có tri, có kiến, là Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, thuyết giảng bốn pháp này. Nhân bốn pháp này mà chúng tôi nói như vậy: ‘Chỉ ở đây mới có Sa-môn thứ nhất, thứ hai, thứ ba và Sa-môn thứ tư; ngoài đây ra không có Sa-môn, Phạm chí. Dị đạo hoàn toàn không, không có Sa-môn, Phạm chí. Tùy chỗ trong hội chúng mà chúng tôi chân chánh rống tiếng rống sư tử như vậy.’”

Này các Tỳ-kheo, nếu dị đạo cũng lại nói: “Này chư Hiền, chúng tôi cũng tin đấng Tôn sư, tức Tôn sư chúng tôi; tin pháp, tức pháp của chúng tôi; tin giới cụ túc, giới của chúng tôi; cũng ái kính bạn đồng đạo, cung cách, phụng sự, là bạn đồng đạo xuất gia và tại gia của chúng tôi. Này chư Hiền, giữa hai lời nói này của Sa-môn Cù-đàm và chúng tôi có hơn gì, có ý gì, có sai khác gì chăng?”

Này các Tỳ-kheo, các thầy nên hỏi kẻ dị đạo như vậy: “Này chư Hiền, cứu cánh là một hay cứu cánh là nhiều?”

Này các Tỳ-kheo, nếu dị đạo trả lời như vậy: “Này chư Hiền, cứu cánh chỉ có một, cứu cánh không có nhiều.”

Này các Tỳ-kheo, các thầy hỏi tiếp dị đạo: “Này chư Hiền, người có dục mà được cứu cánh hay người không có dục mới được cứu cánh?”

Này các Tỳ-kheo, nếu dị đạo trả lời như vậy: “Này chư Hiền, người không có dục được cứu cánh, không phải người có dục được cứu cánh.”

Này các Tỳ-kheo, các thầy hãy hỏi tiếp dị đạo: “Này chư Hiền, người có nhuế được cứu cánh hay người không có nhuế được cứu cánh?”

Này các Tỳ-kheo, nếu dị đạo trả lời như vậy: “Này chư Hiền, người không có nhuế được cứu cánh, không phải người có nhuế được cứu cánh.”

Này các Tỳ-kheo, các thầy hãy hỏi tiếp dị đạo: “Này chư Hiền, người có si được cứu cánh hay người không có si được cứu cánh?”

Này các Tỳ-kheo, nếu dị đạo trả lời như vậy: “Này chư Hiền, người không có si được cứu cánh, không phải người có si được cứu cánh.”

Này các Tỳ-kheo, các thầy hãy hỏi tiếp dị đạo: “Này chư Hiền, người có ái, có thọ được cứu cánh hay người không có ái, không có thọ được cứu cánh?”

Này các Tỳ-kheo, nếu dị đạo trả lời như vậy: “Này chư Hiền, người không có ái, không có thọ được cứu cánh, không phải người có ái, có thọ được cứu cánh.”

Này các Tỳ-kheo, các thầy hãy hỏi tiếp kẻ dị đạo: “Này chư Hiền, người có huệ, có thuyết giảng tuệ được cứu cánh hay người không có huệ, không có thuyết giảng tuệ được cứu cánh?”

Này các Tỳ-kheo, nếu kẻ dị đạo trả lời như vậy: “Này chư Hiền, người có huệ, có thuyết giảng tuệ được cứu cánh, không phải người không có huệ, không thuyết giảng tuệ được cứu cánh.”

Này các Tỳ-kheo, các thầy hãy hỏi tiếp dị đạo: “Này chư Hiền, người có ganh ghét, có tranh chấp được cứu cánh hay người không có ganh ghét, không có tranh chấp được cứu cánh?”

Này các Tỳ-kheo, nếu dị đạo trả lời như vậy: “Này chư Hiền, người không có ganh ghét, không có tranh chấp được cứu cánh, không phải người có ganh ghét, có tranh chấp được cứu cánh.”

Này các Tỳ-kheo, các thầy hãy nói với dị đạo như vậy: “Này chư Hiền, như vậy là các thầy nói có một cứu cánh không phải nhiều cứu cánh; người không có dục được cứu cánh, không phải người có dục được cứu cánh; người không có nhuế được cứu cánh, không phải người có nhuế được cứu cánh; người không có si được cứu cánh, không phải người có si được cứu cánh; người không có ái, không có thọ được cứu cánh, không phải người có ái, có thọ được cứu cánh; người có huệ, có thuyết giảng được cứu cánh, không phải người không có huệ, không có thuyết giảng được cứu cánh; người không có ganh ghét, không có tranh chấp được cứu cánh, không phải người có ganh ghét, có tranh chấp được cứu cánh.

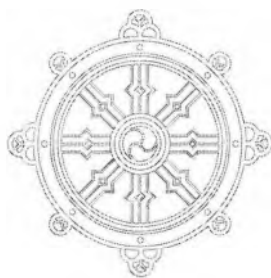
Nếu có Sa-môn, Phạm chí nương nơi vô lượng kiến, vị đó nhất định nương nơi hai kiến: Hữu kiến và vô kiến. Nếu nương nơi hữu kiến, vị đó liền đắm trước hữu kiến, nương nơi hữu kiến, y trú nơi hữu kiến mà ganh ghét, tranh chấp với vô kiến. Nếu nương nơi vô kiến, vị đó liền đắm trước vô kiến, nương nơi vô kiến mà ganh ghét, tranh chấp với hữu kiến. Nếu có Sa-môn, Phạm chí không biết một cách như thật về nhân, về tập, về diệt, về tận, vị ngọt, tai họa và sự xuất yếu; thì vị đó nhất định có dục, có nhuế, có si, có ái, có thọ, không có huệ, không có thuyết giảng huệ, có ganh ghét, có tranh chấp, vị đó không lìa khỏi sanh, già, bệnh, chết; cũng không thể thoát khỏi sự buồn rầu, kêu khóc, lo khổ, ảo não, không vượt khỏi bờ khổ. Nếu có Sa-môn, Phạm chí đối với những loại kiến này mà biết một cách như thật về nhân, về tập, về diệt, về tận, vị ngọt, tai họa và sự xuất yếu; thì vị đó nhất định không có dục, không có nhuế, không có si, không có ái, không có thọ, có huệ, có thuyết giảng huệ, không có ganh ghét, không có tranh chấp, vị đó lìa khỏi sanh, già, bệnh, chết; cũng thoát khỏi sự buồn rầu, kêu khóc, khổ não, vượt khỏi bờ khổ.

Hoặc có Sa-môn, Phạm chí chủ trương đoạn trừ thọ nhưng không chủ trương đoạn trừ tất cả thọ, chỉ thi hành đoạn trừ dục thọ mà không chủ trương đoạn trừ giới thọ, kiến thọ, ngã thọ. Vì sao vậy? Vì vị Sa-môn, Phạm chí đó không biết đúng như thật về ba xứ. Do đó, vị ấy chủ trương đoạn trừ thọ nhưng không chủ trương đoạn trừ tất cả thọ. Lại có Sa-môn, Phạm chí chủ trương đoạn trừ thọ nhưng không chủ trương đoạn trừ dục thọ, đoạn trừ tất cả thọ, chỉ chủ trương đoạn trừ dục thọ, giới thọ; nhưng không chủ trương đoạn trừ kiến thọ, ngã thọ. Vì sao vậy? Vì vị Sa-môn, Phạm chí đó không biết đúng như thật về hai xứ. Do đó, vị ấy tuy đoạn trừ thọ nhưng không chủ trương đoạn trừ tất cả thọ. Lại có Sa-môn, Phạm chí chủ trương đoạn trừ thọ nhưng không chủ trương đoạn trừ tất cả thọ, chỉ chủ trương đoạn trừ dục thọ, giới thọ, kiến thọ, mà không chủ trương đoạn trừ ngã thọ. Vì sao vậy? Vì Sa-môn, Phạm chí đó không biết đúng như thật về một xứ. Do đó, vị ấy chủ trương đoạn trừ thọ nhưng không chủ trương đoạn trừ tất cả thọ. Đối với Pháp, Luật như vậy, nếu người nào tin đáng Tôn sư thì người đó không phải là chân chánh, không phải đệ nhất; nếu tin pháp thì cũng không phải là chân chánh, không phải là đệ nhất; nếu tin giới đức Cụ túc thì cũng không phải là chân chánh, không phải đệ nhất; nếu ái kính bạn đồng đạo, cung cách, phụng sự thì cũng không phải là chân chánh, không phải đệ nhất.

Nếu có đức Như Lai ra đời, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu thì Ngài cũng chủ trương đoạn trừ thọ; ngay trong đời này, Ngài chủ trương đoạn trừ tất cả thọ, chủ trương đoạn trừ dục thọ, giới thọ, kiến thọ, ngã thọ. Bốn thọ này nhân nơi đâu, tập khởi do đâu, phát sanh từ đâu, lấy gì làm gốc? Bốn thọ này nhân nơi vô minh, tập khởi do vô minh, phát sanh từ vô minh, lấy vô minh làm gốc. Nếu có Tỳ-kheo mà vô minh đã tận diệt,

minh tuệ đã phát sanh thì vị đó từ đây không còn trở lại thọ dục, thọ giới, thọ kiến và thọ ngã nữa. Vị đó đã không thọ rồi thì không còn lo sợ, đã không lo sợ nên đoạn trừ nhân duyên, chắc chắn chứng đắc Niết-bàn và biết đúng như thật rằng: ‘Sự sanh đã hết, Phạm hạnh đã vững, điều cần làm đã làm xong, không còn tái sanh.’ Trong Pháp, Luật chân chánh như vậy, nếu người nào tin đáng Tôn sư thì đó là người chân chánh, là người bậc nhất; nếu tin pháp thì đó là người chân chánh, là người bậc nhất; nếu tin giới đức Cụ túc thì đó là người chân chánh, là người bậc nhất; nếu ái kính bạn đồng đạo, cung cách, phụng sự thì đó là người chân chánh, là người bậc nhất. Nay chư Hiền, chúng tôi có hạnh như vậy, có lực như vậy, có trí như vậy. Nhân nơi đó mà chúng tôi nói như vậy: ‘Chỉ ở đây mới có Sa-môn thứ nhất, thứ hai, thứ ba, Sa-môn thứ tư; ngoài đây ra, không có Sa-môn, Phạm chí. Dị đạo hoàn toàn không, không có Sa-môn, Phạm chí. Do đó, tùy chỗ trong hội chúng mà chúng tôi chân chánh rống tiếng rống sư tử như vậy.’”

Đức Phật thuyết giảng như vậy, các Tỳ-kheo ấy sau khi nghe xong, hoan hỷ phụng hành.



104. KINH ƯU-ĐÀM-BÀ-LA

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật du hóa tại thành Vương Xá, trong rừng Trúc Lâm, vườn Ca-lan-đa.

Bấy giờ, có một cư sĩ tên là Thập Ý, vào buổi sáng sớm, rời thành Vương Xá, muốn đến chỗ đức Phật để cúng dường, lễ bái. Lúc bấy giờ, cư sĩ Thập Ý nghĩ rằng: “Dù có đến chỗ đức Phật thì đức Thế Tôn và các Tỷ-kheo vẫn còn đang thiền tịnh, ta hãy vào rừng Ưu-đàm-bà-la, đến khu vườn kẻ dị học.” Thế rồi, cư sĩ Thập Ý liền đi vào rừng Ưu-đàm-bà-la, đến khu vườn kẻ dị học. Tại đây, có một dị đạo tên là Vô Nhuế, được tôn làm Tông chủ của dị học, được mọi người kính trọng, quy phục, được năm trăm dị đạo tôn sùng. Giữa một đám đông ồn ào, ông đang cao giọng luận bàn đủ mọi vấn đề, như bàn chuyện về chim, về ngôn ngữ, về vua chúa, bàn chuyện trộm cướp, bàn chuyện đấu tranh, bàn chuyện ăn uống, bàn chuyện y phục, bàn chuyện phụ nữ, bàn chuyện đồng nữ, bàn chuyện dâm nữ, bàn chuyện thế tục, bàn chuyện phi đạo, bàn chuyện sông biển, bàn chuyện quốc gia. Tất cả những đồ đệ cũng lại chào xáo như thế, đều tập hợp lại chỗ ngồi của ông.

Lúc bấy giờ, dị đạo Vô Nhuế thấy cư sĩ Thập Ý từ xa tiến đến, liền ra lệnh bảo hội chúng của mình hãy im lặng:

– Nay chư Hiền, các ông chớ nói nữa, hãy vui vẻ im lặng, mỗi người hãy tự giữ mình im lặng. Vì sao vậy? Vì có cư sĩ Thập Ý sắp đến đây. Ông ấy là đệ tử của Sa-môn Cù-đàm. Trong số cư sĩ tại gia ở trong thành Vương Xá này, nếu có đệ tử của Sa-môn Cù-đàm mà danh đức vang dội, được mọi người kính trọng thì ông ấy là người thứ nhất. Ông ấy không ưa sự huyên náo, tự giữ gìn im lặng. Nếu ông ấy biết hội chúng đây im lặng, có thể sẽ đến thăm.

Bấy giờ, dị đạo Vô Nhuế bảo hội chúng im lặng rồi, tự mình cũng im lặng. Lúc bấy giờ, cư sĩ Thập Ý đi đến chỗ dị đạo Vô Nhuế, cùng nhau chào hỏi, rồi ngồi xuống một bên. Cư sĩ Thập Ý nói:

– Nay Vô Nhuế, đức Thế Tôn, Thầy tôi, hoặc ở tại rừng vắng, sơn lâm, dưới gốc cây, hoặc sống trên núi cao, những nơi vắng lặng không có tiếng động, xa vắng, không có sự dữ, không có người đời, và tùy thuận mà thiền tọa. Đó là so sánh chỗ đức Thế Tôn với ở đây. Ngài sống ở tại rừng vắng, sơn lâm, dưới gốc cây, hay sống trên núi cao, những nơi vắng lặng không có tiếng động, xa vắng, không có sự dữ, không có người đời, tùy thuận mà thiền tọa. Ngài ở nơi

xa vắng, thường thích thiên tọa, an ổn, khoái lạc. Đức Phật, Thế Tôn chưa hề một ngày một đêm tụ tập hội họp cùng mọi người như ông và quyền thuộc của ông hôm nay.

Bấy giờ, dị đạo Vô Nhuế liền nói:

– Thôi, thôi, cư sĩ! Do đâu mà ông biết Sa-môn Cù-đàm có tuệ giải thoát? Đây thật là lời nói vô căn cứ, biết đâu là phù hợp hay không phù hợp, thuận hoặc chẳng thuận. Sa-môn Cù-đàm sống nơi biên địa, ưa thích nơi biên địa, trú ngụ nơi biên địa. Như con trâu đui ăn cỏ nơi biên địa, sống nơi biên địa, ưa thích nơi biên địa, trú ngụ nơi biên địa; Sa-môn Cù-đàm cũng giống như vậy. Nay cư sĩ, nếu Sa-môn Cù-đàm đến nơi hội chúng này, chỉ bằng một vấn đề tôi cũng đủ hủy diệt ông ấy, như lăn cái bình không, và cũng sẽ nói cái ví dụ con trâu đui cho ông ấy nghe.

Rồi dị đạo Vô Nhuế bảo với đồ chúng của mình:

– Nay chư Hiền, giả sử Sa-môn Cù-đàm đến nơi hội chúng này, nếu như ông ấy có đến thật thì các ông chớ có đứng dậy, chấp tay, nghinh đón, cũng chớ có mời ngồi, hãy để riêng một chỗ cho ông ấy ngồi thôi. Khi ông ấy đến đây rồi thì hãy nói như vậy: “Này Cù-đàm, có chỗ ngồi đây, muốn ngồi hay không tùy ý!”

Bấy giờ, đức Thế Tôn đang thiên tọa, bằng thiên nhãn thanh tịnh nghe xa hơn người, nghe rõ cuộc thảo luận như vậy giữa cư sĩ Thật Ý và dị đạo Vô Nhuế. Vào lúc xế trưa, Ngài liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đi vào rừng Ưu-đàm-bà-la, đến vườn của dị đạo. Thấy đức Thế Tôn từ xa đi đến, dị đạo Vô Nhuế liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch áo bày vai hữu, chấp tay hướng Phật và tán thán:

– Kính chào Sa-môn Cù-đàm! Đã lâu ngày không đến đây, xin mời ngồi chỗ này!

Khi ấy, đức Thế Tôn thâm nghĩ: “Người ngu si này tự phản lại điều mình dự định.” Biết như vậy, đức Thế Tôn liền ngồi trên giường đó. Dị đạo Vô Nhuế sau khi chào hỏi đức Thế Tôn, liền ngồi xuống một bên.

Đức Thế Tôn hỏi:

– Nay Vô Nhuế, ông và cư sĩ Thật Ý vừa bàn luận việc gì thế? Vì lý do gì mà nhóm họp nơi đây?

Dị đạo Vô Nhuế trả lời:

– Thưa Cù-đàm, chúng tôi nghĩ như vậy: “Sa-môn Cù-đàm có những pháp gì dạy bảo cho đệ tử; các đệ tử sau khi vâng lãnh sự dạy bảo liền được an ổn, trọn đời tịnh tu Phạm hạnh và đem dạy cho người khác nữa?” Thưa Cù-đàm, tôi và cư sĩ Thật Ý vừa bàn luận việc như vậy. Vì lý do đó mà chúng tôi nhóm họp nơi đây.

Cư sĩ Thật Ý nghe ông nói xong liền nghĩ: “Lạ thay, dị đạo Vô Nhuế lại nói láo! Vì sao vậy? Vì ở trước đức Thế Tôn mà dám lừa dối Thế Tôn.”

Đức Thế Tôn biết vậy, Ngài liền nói:

– Nay Vô Nhuế, pháp của Ta rất sâu sắc, rất kỳ diệu, rất hy hữu, khó hiểu, khó biết, khó thấy, khó chứng đắc. Ta dạy bảo cho đệ tử và đệ tử sau khi vâng lãnh sự dạy bảo rồi liền được an ổn, trọn đời tịnh tu Phạm hạnh và đem dạy lại cho người khác nữa. Nay Vô Nhuế, ngay cả hạnh bất liễu khả tắng ó mà Tôn sư của ông lấy làm tông chỉ, nếu ông hỏi Ta, Ta cũng sẽ giải đáp cho ông thỏa mãn.

Lúc đó, các chúng đệ đạo ồn ào đó cùng nhau lớn tiếng nói rằng:

– Sa-môn Cù-đàm thật là kỳ diệu, thật là hy hữu! Ngài có như ý túc, có uy đức lớn, có phước hựu lớn, có oai thần lớn. Vì sao vậy? Ngài bỏ qua tông chỉ của mình mà lại đề nghị thảo luận về tông chỉ của người.

Lúc bấy giờ, đệ đạo Vô Nhuế ra lệnh, bảo hội chúng của mình im lặng rồi hỏi:

– Thừa Cù-đàm, hạnh bất liễu khả tắng, thế nào là được hoàn toàn? Thế nào là không được hoàn toàn?

Bấy giờ, đức Thế Tôn trả lời:

– Nay Vô Nhuế, hoặc có Sa-môn, Phạm chí lỏa hình, không y phục, hoặc lấy tay làm y phục, hoặc lấy lá làm y phục, hoặc lấy châu ngọc làm y phục; hoặc không mức nước bằng bình, hoặc không mức nước bằng gáo; không ăn đồ ăn xóc xĩa bằng đao gậy, không ăn đồ ăn lừa dối; không tự mình đèn, không gởi tin đi, không đến chỗ tôn quý, không thích chỗ tôn quý, không ở chỗ tôn quý; không ăn giữa hai người đang ăn, không ăn tại nhà người có thai, không ăn tại nhà có nuôi chó, không ăn tại nhà có ruồi xanh bay đến, không ăn cá, không ăn thịt; không uống rượu, không uống nước giấm, không uống gì cả, học hạnh không uống; hoặc ăn một miếng và cho một miếng là đủ, hoặc ăn hai, ba, bốn cho đến bảy miếng và cho bảy miếng là đủ; hoặc ăn bởi một lần nhận được và cho một lần nhận được là đủ; hoặc ăn bởi hai, ba, bốn cho đến bảy lần nhận được và cho bảy lần nhận được là đủ; hoặc ngày ăn một lần và cho ăn một lần là đủ, hoặc hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy ngày, nửa tháng, hay một tháng ăn một lần và cho rằng ăn một lần là đủ; hoặc ăn rau cỏ, hoặc ăn lúa cỏ, hoặc ăn nếp tẻ, hoặc ăn cám, hoặc ăn đầu-đầu-la, hoặc ăn đồ ăn thô; hoặc đến rừng vắng, nương nơi rừng vắng; hoặc ăn rễ, hoặc ăn trái, hoặc ăn trái tự rụng xuống; hoặc mặc áo khâu đủ thứ vải, hoặc mặc áo lông, hoặc mặc áo đầu-xá, hoặc mặc áo đầu-xá bằng lông, hoặc mặc bằng da nguyên, hoặc mặc da có xoi lỗ, hoặc mặc da toàn xoi lỗ; hoặc để tóc xõa, hoặc để tóc bện, hoặc để tóc vừa xõa vừa bện; hoặc chỉ cạo tóc, hoặc chỉ cạo râu, hoặc cạo cả râu tóc, hoặc chỉ nhổ tóc, hoặc chỉ nhổ râu, hoặc nhổ cả râu tóc; hoặc chỉ đứng thẳng không hề ngồi, hoặc đi chồm hóm; hoặc nằm gai, lấy gai làm giường; hoặc nằm trái, lấy trái làm giường; hoặc thờ nước ngày đêm lấy tay vọc; hoặc thờ lửa ngày đêm đốt lên; hoặc thờ mặt trời, mặt trăng, thờ đấng Tôn Hựu Đại Đức, chấp tay hướng về. So như vậy thì phải chịu vô lượng khổ để học hạnh phiền lao. Nay Vô Nhuế, ý ông thế nào? Hạnh bất liễu khả tắng ó như vậy là hoàn toàn hay không hoàn toàn?

Dị đạo Vô Nhuế đáp:

– Thưa Cù-đàm, như vậy hạnh bất liễu khả tăng là hoàn toàn, không phải là không hoàn toàn.

Đức Thế Tôn lại nói:

– Nay Vô Nhuế, Ta sẽ chỉ cho ông thấy cái hạnh bất liễu khả tăng hoàn toàn đó bị vô lượng cấu uế làm ô nhiễm.

Dị đạo Vô Nhuế hỏi:

– Thưa Cù-đàm, Ngài có thể chỉ cho tôi thấy cái hạnh bất liễu khả tăng hoàn toàn đó bị vô lượng cấu uế làm ô nhiễm thế nào không?

Đức Thế Tôn đáp:

– Nay Vô Nhuế, hoặc có người chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ mà có ác dục, niệm tương dục. Nay Vô Nhuế, nếu ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, rồi do chuyên hành khổ hạnh ấy mà có ác dục, niệm tương dục; thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cấu uế.

Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc có người chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ nên chỉ ngược nhìn ánh mặt trời, hấp thụ khí trời. Nay Vô Nhuế, nếu ai chuyên hành khổ hạnh, rồi do chuyên hành khổ hạnh ấy nên chỉ ngược nhìn ánh mặt trời, hấp thụ khí trời; thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cấu uế.

Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc có người chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh mà tự cống cao, cho rằng mình đã tu khổ hạnh, nên tâm liền bị trói buộc. Nay Vô Nhuế, nếu có người chuyên hành khổ hạnh rồi, do chuyên hành khổ hạnh mà tự cống cao, cho rằng mình đã tự tu khổ hạnh, nên tâm liền bị trói buộc; thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cấu uế.

Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc có người chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh mà tự thị khinh người. Nay Vô Nhuế, nếu có ai chuyên hành khổ hạnh rồi, do chuyên hành khổ hạnh mà tự thị khinh người; thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cấu uế.

Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh nên đến nhà người mà tự khen rằng: “Tôi sống tân khổ, cách sống của tôi rất khó khăn.” Nay Vô Nhuế, nếu có ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, rồi do chuyên hành khổ hạnh nên đến nhà người mà tự khen rằng: “Tôi sống tân khổ, cách sống của tôi rất khó khăn”, thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là cấu uế.

Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc có ai hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh nên nếu thấy Sa-môn, Phạm chí được người kính trọng, cúng dường, lễ bái liền sanh lòng tật đố mà nói rằng: “Sao lại kính trọng, lễ bái,

cúng dường Sa-môn, Phạm chí? Hãy nên kính trọng, lễ bái, cúng dường ta đây! Vì sao vậy? Vì ta là người hành khổ hạnh.” Nay Vô Nhuế, nếu có ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, rồi do chuyên hành khổ hạnh nên nếu thấy Sa-môn, Phạm chí được người kính trọng, cúng dường, lễ bái, liền sanh lòng tật đồ mà nói rằng: “Sao lại kính trọng, lễ bái, cúng dường Sa-môn, Phạm chí? Hãy nên kính trọng, lễ bái, cúng dường ta đây! Vì sao vậy? Vì ta là người hành khổ hạnh”; thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là câu ué.

Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh nên nếu thấy Sa-môn, Phạm chí nào được người kính trọng, cúng dường, lễ bái, liền đến mắng ngay mặt Sa-môn, Phạm chí đó mà nói rằng: “Sao ông lại được kính trọng, lễ bái, cúng dường? Ông là người nhiều ham muốn, nhiều mong cầu, thường ăn năm thứ hạt: Hạt sanh từ gốc cây, hạt sanh từ thân cây, hạt sanh từ trái cây, hạt sanh từ mắt cây và hạt sanh từ hạt. Ví như một trận mưa lớn làm tổn hại năm thứ hạt giống lúa, nhiều loạn súc sanh và nhân dân; Sa-môn, Phạm chí mà hay đến nhà người cũng giống như vậy.” Nay Vô Nhuế, nếu có ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh nên nếu thấy Sa-môn, Phạm chí được người kính trọng, cúng dường, lễ bái, liền đến mắng ngay mặt Sa-môn, Phạm chí đó mà nói rằng: “Sao ông lại được kính trọng, cúng dường, lễ bái? Ông là người nhiều ham muốn, nhiều mong cầu, thường ăn năm thứ hạt: Hạt sanh từ gốc cây, hạt sanh từ thân cây, hạt sanh từ trái cây, hạt sanh từ mắt cây, hạt sanh từ hạt. Ví như một trận mưa lớn làm tổn hại năm thứ hạt giống lúa, nhiều loạn súc sanh và nhân dân; Sa-môn, Phạm chí mà hay đến nhà người cũng lại như vậy”; thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là câu ué.

Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc có ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh nên có sầu, có si, khủng bố, lo sợ, sống lén lút, nghi ngờ, sợ mất tiếng, tham lam, phóng dật. Nay Vô Nhuế, nếu có người chuyên hành khổ hạnh, rồi do chuyên hành khổ hạnh nên có sầu, có si, khủng bố, lo sợ, sống lén lút, nghi ngờ, sợ mất tiếng, tham lam, phóng dật; thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là câu ué.

Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc có ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh nên sanh thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, khó tánh, không biết tiết hạn, những pháp mà Sa-môn, Phạm chí phải thông suốt lại không thông suốt. Nay Vô Nhuế, nếu có người chuyên hành khổ hạnh, do chuyên hành khổ hạnh nên sanh thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, khó tánh, không biết tiết hạn, những pháp mà Sa-môn, Phạm chí phải thông suốt lại không thông suốt; thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là câu ué.

Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc có ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh nên có sân triền, phú kết, bồn xển, ganh tị, đua nịnh, dối trá, vô tâm, vô quý. Nay Vô Nhuế, nếu ai chuyên hành khổ hạnh một cách

tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh nên có sân triền, phú kết, bòn xén, ganh tị, đua nịnh, dối trá, vô tâm, vô quý; thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là câu uest.

Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc có ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh nên sanh ra nói dối, nói hai lưỡi, nói thô ác, nói thù dết, đủ cả ác giới. Này Vô Nhuế, nếu ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh nên sanh ra nói dối, nói hai lưỡi, nói thô ác, nói thù dết, đủ cả ác giới; thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là câu uest.

Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc có ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh nên không có tín tâm, giải đãi, không chánh niệm, chánh trí, có đủ ác huệ. Này Vô Nhuế, nếu ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ nên không có tín tâm, giải đãi, không chánh niệm, chánh trí, có đủ ác huệ; thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là câu uest.

Này Vô Nhuế, Ta đã chỉ cho ông thấy cái hạnh bất liễu khả tăng hoàn toàn đó bị vô lượng câu uest làm ô nhiễm, có phải vậy chăng?

Dị đạo Vô Nhuế đáp:

– Thừa Cù-đàm, đúng vậy. Ngài đã chỉ cho tôi thấy cái hạnh bất liễu khả tăng hoàn toàn đó bị vô lượng câu uest làm ô nhiễm.

– Này Vô Nhuế, Ta lại chỉ cho ông thấy cái hạnh bất liễu khả tăng hoàn toàn đó không bị vô lượng câu uest làm ô nhiễm.

Dị đạo Vô Nhuế lại hỏi:

– Thừa Cù-đàm, Ngài có thể chỉ cho tôi thấy cái bất liễu khả tăng hoàn toàn đó không bị vô lượng câu uest làm ô nhiễm như thế nào?

Đức Thế Tôn đáp:

– Này Vô Nhuế, hoặc có người chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh tân khổ nên không có ác dục, không niệm tương dục. Này Vô Nhuế, nếu có người chuyên hành khổ hạnh, rồi do chuyên hành khổ hạnh nên không có ác dục, không niệm tương dục; thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không câu uest.

Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc có người chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh tân khổ nên không nhìn ánh mặt trời, không hấp thụ khí trời. Này Vô Nhuế, nếu có người chuyên hành khổ hạnh, do chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ nên không nhìn ánh mặt trời, không hấp thụ khí trời; thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không câu uest.

Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc có người chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ mà không cố gắng, cho rằng đã tu khổ hạnh nên tâm không bị trói buộc. Này Vô Nhuế, nếu có người chuyên hành khổ hạnh, do chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ mà không cố gắng,

cho rằng đã tu khổ hạnh một cách tận tâm khổ nên tâm không bị trói buộc; thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cầu uế.

Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc có người chuyên hành khổ hạnh một cách tận tâm khổ, do chuyên hành khổ hạnh tận tâm khổ mà không tự thị khinh người. Này Vô Nhuế, nếu có người chuyên hành khổ hạnh, do chuyên hành khổ hạnh một cách tận tâm khổ mà không tự thị khinh người; thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cầu uế.

Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc có ai chuyên hành khổ hạnh một cách tận tâm khổ, do chuyên hành khổ hạnh tận tâm khổ nên không đến nhà người mà tự khen rằng: “Tôi sống tận tâm khổ, cách sống của tôi rất khó khăn.” Này Vô Nhuế, nếu có người chuyên hành khổ hạnh một cách tận tâm khổ, do chuyên hành khổ hạnh tận tâm khổ nên không đến nhà người mà tự khen rằng: “Tôi sống tận tâm khổ, cách sống của tôi rất khó khăn”; thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cầu uế.

Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc có ai chuyên hành khổ hạnh một cách tận tâm khổ, do chuyên hành khổ hạnh tận tâm khổ nên nếu thấy Sa-môn, Phạm chí được người kính trọng, cúng dường, lễ bái thì không sanh lòng tật đố mà nói rằng: “Sao lại kính trọng, lễ bái, cúng dường Sa-môn, Phạm chí? Hãy nên kính trọng, lễ bái, cúng dường ta đây! Vì sao vậy? Vì ta là người hành khổ hạnh.” Này Vô Nhuế, nếu có ai chuyên hành khổ hạnh một cách tận tâm khổ, rồi do chuyên hành khổ hạnh tận tâm khổ nên nếu thấy Sa-môn, Phạm chí được người kính trọng, cúng dường, lễ bái thì không sanh lòng tật đố nói rằng: “Sao lại kính trọng, lễ bái, cúng dường Sa-môn, Phạm chí? Hãy nên kính trọng, lễ bái, cúng dường ta đây! Vì sao vậy? Vì ta là người hành khổ hạnh”; thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cầu uế.

Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc ai chuyên hành khổ hạnh một cách tận tâm khổ, do chuyên hành khổ hạnh tận tâm khổ nên nếu thấy Sa-môn, Phạm chí được người kính trọng, cúng dường, lễ bái thì không đến thẳng ngay mặt Sa-môn, Phạm chí đó mà nói rằng: “Sao ông lại được kính trọng, cúng dường, lễ bái? Ông là người nhiều ham muốn, nhiều mong cầu, thường ăn năm thứ hạt: Hạt sanh từ gốc cây, hạt sanh từ thân cây, hạt sanh từ trái cây, hạt sanh từ mắt cây và hạt sanh từ hạt. Ví như một trận mưa lớn làm tổn hại năm thứ hạt giống lúa, nhiều loạn súc sanh và nhân dân; Sa-môn, Phạm chí mà hay đến nhà người cũng giống như vậy.” Này Vô Nhuế, nếu có người chuyên hành khổ hạnh một cách tận tâm khổ, do chuyên hành khổ hạnh tận tâm khổ nên nếu thấy Sa-môn, Phạm chí được người kính trọng, cúng dường, lễ bái thì không đến thẳng ngay mặt Sa-môn, Phạm chí đó mà nói rằng: “Sao ông lại được kính trọng, cúng dường, lễ bái? Ông là người nhiều ham muốn, nhiều mong cầu, thường ăn năm thứ hạt: Hạt sanh từ gốc cây, hạt sanh từ thân cây, hạt sanh từ trái cây, hạt sanh từ mắt cây và hạt sanh từ hạt. Ví như một trận mưa lớn làm tổn hại năm thứ hạt giống lúa, nhiều loạn súc sanh và nhân dân; Sa-môn, Phạm chí mà hay đến nhà người cũng giống như vậy”; thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cầu uế.

Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh tân khổ nên không sâu, không si, không khủng bố, không lo sợ, không sống lén lút, không nghi ngờ, không sợ mất tiếng, không tham lam, phóng dật. Này Vô Nhuế, nếu ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh tân khổ nên không sâu, không si, không khủng bố, không lo sợ, không sống lén lút, không nghi ngờ, không sợ mất tiếng, không tham lam, phóng dật; thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cầu uest.

Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh tân khổ nên không sanh thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, không khó tánh, không biết tiết hạn, những pháp mà Sa-môn, Phạm chí phải thông suốt thì thông suốt. Này Vô Nhuế, nếu ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, rồi do chuyên hành khổ hạnh tân khổ nên không sanh thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, không khó tánh, không biết tiết hạn, những pháp mà Sa-môn, Phạm chí phải thông suốt thì thông suốt; thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cầu uest.

Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh tân khổ nên không có sân triền, phú kết, bồn xên, ganh tị, đua nịnh, dối trá, vô tâm, vô quý. Này Vô Nhuế, nếu có ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ nên không có sân triền, phú kết, bồn xên, ganh tị, đua nịnh, dối trá, vô tâm, vô quý; thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cầu uest.

Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh tân khổ nên không nói dối, nói hai lưỡi, nói thô ác, nói thù dật, không có ác giới. Này Vô Nhuế, nếu ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh tân khổ nên không nói dối, nói hai lưỡi, nói thô ác, nói thù dật, không có ác giới; thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cầu uest.

Lại nữa, này Vô Nhuế, hoặc ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh tân khổ nên có tín tâm, không giải đãi, có chánh niệm, chánh trí, không có ác huệ. Này Vô Nhuế, nếu có ai chuyên hành khổ hạnh một cách tân khổ, do chuyên hành khổ hạnh tân khổ nên có tín tâm, không giải đãi, có chánh niệm, chánh trí, không có ác huệ; thì này Vô Nhuế, hành khổ hạnh như vậy là không cầu uest.

Này Vô Nhuế, Ta đã chỉ cho ông thấy cái hạnh bất liễu khả tạng hoàn toàn không bị vô lượng cầu uest làm ô nhiễm, có phải vậy không?

Dị đạo Vô Nhuế đáp:

– Thừa Cù-đàm, đúng vậy. Ngài đã chỉ cho tôi thấy cái bất liễu khả tạng hoàn toàn không bị cầu uest làm ô nhiễm.

Dị đạo Vô Nhuế lại hỏi:

– Thưa Cù-đàm, hạnh bất liễu khả tăng này đã đạt đến bậc nhất, đã đạt đến chân thật chưa?

Đức Thế Tôn đáp:

– Nay Vô Nhuế, hạnh bất liễu khả tăng này chưa đạt đến bậc nhất, chưa đạt đến chân thật nhưng có hai hạnh đạt đến vô ngoài và đạt đến vô trong.

Dị đạo Vô Nhuế lại hỏi:

– Thưa Cù-đàm, thế nào là hạnh bất liễu khả tăng này chỉ đạt đến vô ngoài?

Đức Thế Tôn đáp:

– Nay Vô Nhuế, ở đây, hoặc có Sa-môn, Phạm chí tu tập bốn hạnh: Không sát sanh, không bảo người sát sanh, không đồng tình với người sát sanh; không trộm cắp, không bảo người trộm cắp, không đồng tình với người trộm cắp; không phạm con gái người, không bảo người khác phạm con gái người, không đồng tình với người phạm con gái người; không nói dối, không bảo người nói dối, không đồng tình với người nói dối. Vị đó tu tập bốn hạnh này, ưa thích mà không tiến tới. Tâm đi đôi với từ, biến mãn cả một phương, thành tựu và an trú. Như vậy cho đến hai, ba, bốn phương, bốn phương phụ, phương trên, phương dưới, phổ biến tất cả, tâm đi đôi với từ, không kết, không oán, không sân nhuế, không não hại, rộng lớn bao la, vô lượng, khéo tu tập, biến mãn khắp cả thế gian, thành tựu an trú. Cũng như vậy, đối với bi, hỷ, tâm đi đôi với xả, không kết, không oán, không sân nhuế, không não hại, rộng lớn bao la, vô lượng, tu tập, biến mãn khắp cả thế gian, thành tựu và an trú.

Này Vô Nhuế, ý ông thế nào? Phải chăng hạnh bất liễu khả tăng như vậy đạt đến vô ngoài?

Vô Nhuế hỏi:

– Thưa Cù-đàm, bất liễu khả tăng như vậy đã đạt đến vô ngoài. Thưa Cù-đàm, còn thế nào là hạnh bất liễu khả tăng này đạt đến vô trong?

Đức Thế Tôn đáp:

– Nay Vô Nhuế, hoặc có Sa-môn, Phạm chí tu tập bốn hạnh: Không sát sanh, không bảo người sát sanh, không đồng tình với người sát sanh; không trộm cắp, không bảo người trộm cắp, không đồng tình với người trộm cắp; không phạm con gái người, không bảo người khác phạm con gái người, không đồng tình với người phạm con gái người; không nói dối, không bảo người nói dối, không đồng tình với người nói dối. Vị đó tu tập bốn hạnh đó, ưa thích mà không tiến tới. Sự tu tập ấy có hành, có tướng mạo, vị ấy nhớ lại vô lượng kiếp đã trải qua, hoặc một đời, hai đời, trăm ngàn đời, thành kiếp, hoại kiếp, vô lượng thành hoại kiếp: “Tại chỗ đó ta là chúng sanh tên đó, ta đã trải qua ở đó, đã từng sanh ở đó, có họ như vậy, tên như vậy, sinh hoạt như vậy, uống ăn như

vậy, chịu khổ vui như vậy, tuổi thọ như vậy, sống lâu như vậy, dứt thọ mạng như vậy, rồi chết đây sanh kia, chết kia sanh đây. Ta sanh tại chỗ này như vậy, có họ như vậy, có tên như vậy, sinh hoạt như vậy, uống ăn như vậy, chịu khổ vui như vậy, tuổi thọ như vậy, sống lâu như vậy, dứt thọ mạng như vậy.”

Này Vô Nhuế, ý ông thế nào? Hạnh bất liễu khả tắng như vậy có đạt đến vô trong không?

Vô Nhuế đáp:

– Thưa Cù-đàm, hạnh bất liễu khả tắng như vậy là đã đạt đến vô trong. Thưa Cù-đàm, thế nào là hạnh bất liễu khả tắng đạt đến bậc nhất, đạt đến chân thật?

Đức Thế Tôn đáp:

– Này Vô Nhuế, hoặc có Sa-môn, Phạm chí tu tập bốn hạnh: Không sát sanh, không bảo người sát sanh, không đồng tình với người sát sanh; không trộm cắp, không bảo người trộm cắp, không đồng tình với người trộm cắp; không phạm con gái người, không bảo người khác phạm con gái người, không đồng tình với người phạm con gái người; không nói dối, không bảo người nói dối, không đồng tình với người nói dối. Vị đó tu tập bốn hạnh này, ưa thích mà không tấn tới. Vị đó bằng thiên nhãn thanh tịnh thấy xa hơn người, nhìn thấy chúng sanh lúc sanh lúc tử, sắc đẹp hoặc xấu, diệu hoặc bất diệu, qua lại chỗ lạnh hoặc chỗ không lạnh đều tùy theo nghiệp mà chúng sanh ấy đã tạo. Vị ấy thấy sự kiện ấy đúng như thật. Nếu chúng sanh nào thành tựu ác hạnh về thân, ác hạnh về khẩu, ý; phi báng Thánh nhân, tà kiến, thành tựu nghiệp tà kiến thì do nhân duyên đó khi thân hoại mạng chung, chúng sanh ấy chắc chắn đi đến chỗ ác, sanh vào địa ngục. Còn nếu chúng sanh nào thành tựu diệu hạnh về thân, diệu hạnh về khẩu, ý; không phi báng Thánh nhân, chánh kiến, thành tựu nghiệp chánh kiến thì do nhân duyên đó khi thân hoại mạng chung, chúng sanh ấy chắc chắn đi lên chỗ lành, sanh vào cõi trời.

Này Vô Nhuế, ý ông nghĩ sao? Hạnh bất liễu khả tắng như vậy có đạt đến bậc nhất, đạt đến chân thật hay không?

Vô Nhuế đáp:

– Thưa Cù-đàm, hạnh bất liễu khả tắng như vậy là đã đạt đến bậc nhất, đạt đến chân thật. Thưa Cù-đàm, phải chăng vì để thủ chứng hạnh bất liễu khả tắng này mà các đệ tử của Sa-môn Cù-đàm nương tựa nơi Sa-môn để tu hành Phạm hạnh?

Đức Thế Tôn đáp:

– Này Vô Nhuế, không phải vì để thủ chứng hạnh bất liễu khả tắng này mà đệ tử của Ta nương tựa nơi Ta để tu hành Phạm hạnh. Này Vô Nhuế, lại còn có pháp khác tối thượng, tối diệu, tối thắng, chính vì để chứng đắc pháp ấy nên đệ tử của Ta nương tựa nơi Ta mà tu hành Phạm hạnh.

Lúc đó, những dị đạo trong hội chúng ồn ào đó liền lớn tiếng la ó: “Đúng vậy! Đúng vậy! Vì để chứng đắc pháp ấy nên đệ tử Sa-môn Cù-đàm nương tựa nơi Sa-môn Cù-đàm để mà tu hành Phạm hạnh.”

Bấy giờ, dị đạo Vô Nhuế ra lệnh bảo hội chúng của mình im lặng, rồi hỏi:

– Thưa Cù-đàm, pháp nào được gọi là còn có pháp khác tối thượng, tối diệu, tối thắng, chính vì để chứng đắc pháp ấy nên đệ tử của Sa-môn Cù-đàm nương tựa nơi Sa-môn Cù-đàm mà tu hành Phạm hạnh?

Bấy giờ, đức Thế Tôn đáp:

– Nay Vô Nhuế, nếu đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Thành, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Chúng Hựu xuất hiện ở thế gian; vì đó xả bỏ năm triền cái làm tâm ô uế, làm tuệ yếu kém, ly dục, ly phác ác, bất thiết cho đến chứng đắc Thiên thứ tư, thành tựu và an trú. Vị ấy với định tâm như vậy, thanh tịnh, không có uế, không phiền não, nhu nhuyến, khéo an trú, chứng đắc tâm bất động mà thú hưởng sự diệt tận các lậu, tự thân chứng ngộ trí thông, biết như thật rằng đây là khô, đây là khô tập, đây là khô diệt; biết như thật đây là khổ diệt đạo; cũng biết như thật đây là lậu, biết đây là lậu tập, đây là lậu diệt, biết như thật đây là lậu diệt đạo. Vị đó biết như vậy, thấy như vậy rồi thì tâm giải thoát dục lậu, tâm giải thoát hữu lậu, vô minh lậu; giải thoát rồi liền biết là mình đã giải thoát, biết đúng như thật rằng: “Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.”

Này Vô Nhuế, như vậy gọi là còn có pháp khác, tối thượng, tối diệu, tối thắng, chính vì để chứng đắc pháp ấy nên đệ tử của Ta nương tựa nơi Ta mà tu hành Phạm hạnh.

Bấy giờ, cư sĩ Thật Ý nói:

– Nay Vô Nhuế, đức Thế Tôn đang ở đây. Ông hãy chỉ bằng một vấn đề đủ để hủy diệt Ngài, như lăn cái bình không! Ông hãy nói cái ví dụ con trâu đuôi ăn cỏ ở nơi biên địa như khi nãy đi!

Đức Thế Tôn nghe xong, hỏi dị đạo Vô Nhuế:

– Quả thật ông có nói như vậy không?

Dị đạo Vô Nhuế đáp:

– Thưa đức Cù-đàm, quả thật tôi có nói như vậy.

Đức Thế Tôn lại hỏi tiếp:

– Ông có từng nghe các vị cựu học trưởng lão như vậy: “Đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh Giác ở quá khứ, nếu gặp khu rừng vắng, sơn lâm, dưới gốc cây hay trên núi cao, vắng lặng, không có tiếng động, xa vắng, không có sự dữ, không có người đời, liền tùy thuận mà thiền tọa. Các đức Phật, Thế Tôn ở nơi rừng vắng, sơn lâm, dưới gốc cây hay trên núi cao, vắng lặng, không có tiếng động, xa vắng, không có sự dữ, không có người đời, liền tùy thuận mà

thiền tọa. Các Như Lai ở nơi xa vắng, thường thích thiền tọa, an ổn và khoái lạc. Các Ngài chưa hề một ngày, một đêm tụ tập hội họp cùng mọi người như ông và quyền thuộc của ông hôm nay?” Nay Vô Nhuế, ông có bao giờ nghe các vị trưởng lão cự học nói như vậy không?

Dị đạo Vô Nhuế đáp:

– Đức Như Lai, bậc Vô Sở Trước, Đẳng Chánh giác ở quá khứ, nếu gặp khu rừng vắng, sơn lâm, dưới gốc cây hay trên núi cao, vắng lặng, không có tiếng động, xa vắng, không có sự dữ, không có người đời, liền tùy thuận mà thiền tọa. Các đức Phật, Thế Tôn ở nơi rừng vắng, sơn lâm, dưới gốc cây hay núi cao, vắng lặng, không có tiếng động, xa vắng, không có sự dữ, không có người đời, liền tùy thuận mà thiền tọa. Các Ngài ở nơi xa vắng, thường thích thiền tọa, an ổn, khoái lạc. Các Ngài chưa hề một ngày, một đêm tụ tập hội họp cùng mọi người như tôi và quyền thuộc của tôi hôm nay. Thưa đức Cù-đàm, tôi có nghe các vị trưởng lão cự học nói như vậy.

– Nay Vô Nhuế, ông há không nghĩ rằng: “Như các đức Thế Tôn đó ở nơi rừng vắng, sơn lâm, dưới gốc cây hay trên núi cao, vắng lặng, không có tiếng động, xa vắng, không có sự dữ, không có người đời, liền tùy thuận mà thiền tọa. Các Ngài ở nơi xa vắng thường thích thiền tọa, an ổn, khoái lạc. Vị Sa-môn Cù-đàm này cũng học đạo chánh giác như vậy.” Có phải vậy không?

– Thưa đức Cù-đàm, nếu tôi biết như vậy, tôi đã chẳng nói rằng chỉ bằng một vấn đề cũng đủ hủy diệt Ngài như lăn cái bình không, và cũng đã chẳng nói đến cái ví dụ con trâu đui ăn cỏ nơi biên địa.

Đức Thế Tôn nói:

– Nay Vô Nhuế, Ta có pháp thiện tương ưng với thiện, giải thoát tương ưng với giải thoát, có thể tự thân chứng ngộ, do đây mà Như Lai tự xưng là bậc Vô Úy. Các Tỳ-kheo đệ tử của Ta, ai đến với tâm không đua nịnh, không lừa dối, chất trực, không hư vọng, Ta giáo huấn cho và theo giáo huấn ấy chắc chắn sẽ đạt đến Cứu cánh trí.

Nay Vô Nhuế, nếu ông nghĩ rằng: “Sa-môn Cù-đàm vì muốn làm Thầy cho nên thuyết pháp” thì ông chớ nghĩ như vậy, Ta trả ông lại cho thầy ông. Ta chỉ thuyết pháp cho ông nghe thôi.

Nay Vô Nhuế, nếu ông nghĩ rằng: “Sa-môn Cù-đàm vì tham đệ tử cho nên thuyết pháp” thì ông chớ nghĩ như vậy, Ta trả lại đệ tử ông cho ông. Ta chỉ thuyết pháp cho ông nghe thôi.

Nay Vô Nhuế, nếu ông nghĩ rằng: “Sa-môn Cù-đàm vì tham sự cúng dường cho nên thuyết pháp” thì ông chớ nghĩ như vậy, Ta trả lại đồ cúng cho ông. Ta chỉ thuyết pháp cho ông nghe thôi.

Nay Vô Nhuế, nếu ông nghĩ rằng: “Sa-môn Cù-đàm vì tham được khen ngợi cho nên thuyết pháp” thì ông chớ nghĩ như vậy, Ta trả lại điều khen ngợi cho ông. Ta chỉ thuyết pháp cho ông nghe thôi.

Này Vô Nhuế, nếu ông nghĩ rằng: “Nếu ta có pháp thiện tương ưng thiện, giải thoát đưa đến giải thoát; có thể tác chứng nhưng Sa-môn Cù-đàm này đoạt của ta, hủy diệt ta” thì ông chớ nghĩ như vậy, Ta trả lại pháp của ông cho ông. Ta chỉ thuyết pháp cho ông nghe thôi.

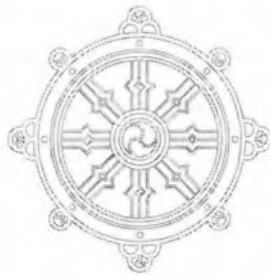
Lúc bấy giờ, tất cả hội chúng đều im lặng. Vì sao vậy? Vì họ bị Ma vương chế phục.

Khi ấy, đức Thế Tôn bảo cư sĩ Thật Ý:

– Ông hãy nhìn tất cả hội chúng đang im lặng này. Vì sao như vậy? Vì họ đã bị Ma vương chế phục. Nó khiến cả hội chúng dị đạo không có một dị đạo nào có ý niệm: “Ta hãy thử theo Sa-môn Cù-đàm tu hành Phạm hạnh.”

Đức Thế Tôn biết vậy, Ngài thuyết pháp cho cư sĩ Thật Ý nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ. Sau khi bằng vô lượng phương tiện thuyết pháp cho ông ấy nghe, khuyến phát khát ngưỡng, thành tựu hoan hỷ rồi, Ngài liền từ chỗ ngồi đứng dậy, nắm tay cư sĩ Thật Ý, vận dụng thần túc nương hư không mà đi.

Đức Phật thuyết như vậy, cư sĩ Thật Ý sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.



105. KINH NGUYỆN

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo sống cô độc tại nơi xa vắng, ẩn dật ở chỗ yên tĩnh, thiền tọa tư duy, trong tâm khởi lên ý niệm: “Đức Thế Tôn thăm hỏi ta, nói chuyện với ta, thuyết pháp cho ta nghe để được giới Cụ túc mà không phể bỏ thiền định, thành tựu quán hạnh ở nơi an tịnh, vắng lặng.”

Bấy giờ, vào lúc xế trưa, sau khi suy nghĩ như vậy rồi, vị Tỳ-kheo ấy liền từ chỗ thiền tọa đứng dậy đi đến đức Phật. Đức Thế Tôn nhìn thấy vị Tỳ-kheo ấy từ xa đi đến, nhân nơi Tỳ-kheo ấy, Ngài bảo các vị Tỳ-kheo:

– Các thầy hãy mong rằng: “Đức Thế Tôn thăm hỏi ta, nói chuyện với ta, thuyết pháp cho ta nghe. Vậy hãy thành tựu giới Cụ túc mà không phể bỏ thiền định, thành tựu quán hạnh ở nơi an tịnh, vắng lặng.”

Này các Tỳ-kheo, hãy mong rằng: “Ta có thân tộc, nhờ ta mà khi thân hoại mạng chung chắc chắn họ được lên chỗ lành, sanh vào cõi trời. Vậy hãy thành tựu giới Cụ túc mà không phể bỏ thiền định, thành tựu quán hạnh ở nơi an tịnh, vắng lặng.”

Này các Tỳ-kheo, hãy mong rằng: “Các thí chủ cung cấp cho ta y phục, ăn uống, giường chõng, thuốc thang, đủ mọi thứ để nuôi thân; do nhân duyên này họ sẽ có nhiều công đức, có đại quang minh, được nhiều phước báo. Vậy hãy thành tựu giới Cụ túc mà không phể bỏ thiền định, thành tựu quán hạnh ở nơi an tịnh, vắng lặng.”

Này các Tỳ-kheo, hãy mong rằng: “Ta có thể nhẫn chịu được sự đói, khát, lạnh, nóng, muỗi ruồi châm chích, sự áp bức của gió, của mặt trời, bị tiếng xấu, bị đánh đập cũng có thể nhẫn chịu, bản thân bị tật bệnh rất là đau khổ, cho đến mạng sống sắp tuyệt, các sự không được vui ta cũng đều có thể kham nhẫn. Vậy hãy thành tựu giới Cụ túc mà không phể bỏ thiền định, thành tựu quán hạnh ở nơi an tịnh, vắng lặng.”

Này các Tỳ-kheo, hãy mong rằng: “Ta kham nhẫn được điều không hoan lạc; nếu sanh tâm không hoan lạc, không bao giờ để đắm trước. Vậy hãy thành tựu giới Cụ túc mà không phể bỏ thiền định, thành tựu quán hạnh ở nơi an tịnh, vắng lặng.”

Này các Tỳ-kheo, hãy mong rằng: “Nếu ta sanh khởi ba việc ác, bất thiện, niệm dục, niệm nhuế và niệm hại; ta không bao giờ để đấm trước với ba niệm ác, bất thiện đó. Vậy hãy thành tựu giới Cụ túc mà không phể bỏ thiên định, thành tựu quán hạnh ở nơi an tịnh, vắng lặng.”

Này các Tỳ-kheo, hãy mong rằng: “Ta ly dục, ly pháp ác, bất thiện, cho đến chứng đắc Thiên thứ tư, thành tựu và an trú. Vậy hãy thành tựu giới Cụ túc mà không phể bỏ thiên định, thành tựu quán hạnh ở nơi an tịnh, vắng lặng.”

Này các Tỳ-kheo, hãy mong rằng: “Ta đã dứt hết ba kiết sử, chứng đắc quả Tu-đà-hoàn, không bị rơi xuống pháp ác, quyết định thú hưởng đến quả vị Chánh giác, tối đa còn bảy lần ở cõi trời, cõi người; sau bảy lần qua lại rồi liền chứng đắc khổ biên. Vậy hãy thành tựu giới Cụ túc mà không phể bỏ thiên định, thành tựu quán hạnh ở nơi an tịnh, vắng lặng.”

Này các Tỳ-kheo, hãy mong rằng: “Ta đã dứt hết ba kiết sử làm mỏng dâm, nộ, si, chỉ còn một lần qua lại ở cõi trời, cõi người; sau một lần qua lại rồi liền chứng đắc khổ biên. Vậy hãy thành tựu giới Cụ túc mà không phể bỏ thiên định, thành tựu quán hạnh ở nơi an tịnh, vắng lặng.”

Này các Tỳ-kheo, hãy mong rằng: “Ta đã dứt hết năm hạ phần kiết sử, sanh vào thế giới kia mà chứng đắc Niết-bàn, được pháp bất thối, không trở lại thế gian này. Vậy hãy thành tựu giới Cụ túc mà không phể bỏ thiên định, thành tựu quán hạnh ở nơi an tịnh, vắng lặng.”

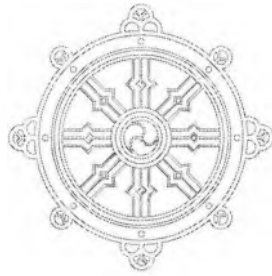
Này các Tỳ-kheo, hãy mong rằng: “Ta được tịch tịnh giải thoát, ly sắc, chứng đắc vô sắc, với như kỳ tượng định, tự thân chứng ngộ, thành tựu và an trú; do tuệ quán mà đoạn trừ lậu và biên tri lậu. Vậy ta hãy thành tựu giới Cụ túc mà không phể bỏ thiên định, thành tựu quán hạnh ở nơi an tịnh, vắng lặng.”

Này các Tỳ-kheo, hãy mong rằng: “Ta được như ý túc, thiên nhãn trí, tha tâm trí, túc mạng trí, sanh tử trí, các lậu hoặc đã dứt sạch, chứng đắc vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát, ngay trong đời này tự tri, tự giác, tự thân chứng ngộ, thành tựu và an trú, biết một cách như thật rằng: ‘Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.’ Vậy ta hãy thành tựu giới Cụ túc mà không phể bỏ thiên định, thành tựu quán hạnh ở nơi an tịnh, vắng lặng.”

Lúc bấy giờ, vị Tỳ-kheo ấy sau khi nghe Phật thuyết giảng, khéo thọ lãnh, khéo ghi nhớ, từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra. Vị Tỳ-kheo ấy lãnh thọ lời Phật dạy, ẩn dật nơi yên tĩnh, thiền tọa tư duy, tu hành tinh cần, tâm không phóng dật. Do ẩn dật những nơi yên tĩnh, thiền tọa tư duy, tu hành tinh cần, tâm không phóng dật, để đạt đến mục đích mà thiện nam tử cạo bỏ râu tóc, khoác áo cà-sa, chí tín, lìa bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia học đạo, là duy chỉ mong thành tựu Phạm hạnh vô thượng, ngay trong đời này mà tự tri, tự giác, tự thân chứng ngộ, thành

tự an trú, biết một cách như thật rằng: “Sự sanh đã dứt, Phạm hạnh đã vững, việc cần làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa.” Tôn giả ấy đã biết pháp rồi, liền chứng quả A-la-hán.

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy, hoan hỷ phụng hành.



106. KINH TƯỞNG

Tôi nghe như vậy:

Một thời, Phật du hóa tại nước Xá-vệ, trong rừng Thắng Lâm, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

– Nếu có Sa-môn, Phạm chí đối với đất có tư tưởng về đất, cho rằng: “Đất tức là ngã, đất là sở hữu của ngã, ngã là sở hữu của đất.” Vị ấy đã cho đất tức là ngã, vậy là không biết rõ đất. Cũng như vậy, đối với nước, lửa, gió, thần, trời, Sanh chủ, Phạm thiên, Vô Phiền thiên, Vô Nhiệt thiên. Vị ấy đối với Tịnh thiên có tư tưởng về Tịnh thiên: “Tịnh thiên tức là ngã, Tịnh thiên là sở hữu của ngã, ngã là sở hữu của Tịnh thiên.” Vị ấy đã cho Tịnh thiên tức là ngã, vậy là không biết rõ Tịnh thiên. Đối với Vô lượng không xứ, Vô lượng thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi hữu tướng phi vô tướng xứ, với đồng nhất, dị biệt, đa thù, sở kiến, sở văn, sở thức, sở tri, sở đắc, sở quán, sở niệm của ý, sở tư của ý, từ đời này đến đời kia, từ đời kia đến đời này, cho đến tất cả; vị ấy đối với cái tất cả có tư tưởng về cái tất cả: “Tất cả tức là ngã, tất cả là sở hữu của ngã, ngã là sở hữu của tất cả.” Vị ấy đã cho tất cả tức là ngã, vậy là không biết rõ cái tất cả.

Nếu có Sa-môn, Phạm chí đối với đất thì biết đất: “Đất không phải là ngã, đất không phải là sở hữu của ngã, ngã không phải là sở hữu của đất.” Vị ấy đã không cho đất tức là ngã, vậy là vị ấy biết rõ đất. Cũng như vậy, đối với nước, lửa, gió, thần, trời, Sanh chủ, Phạm thiên, Vô Phiền thiên, Vô Nhiệt thiên. Vị ấy đối với Tịnh thiên thì biết Tịnh thiên: “Tịnh thiên không phải là ngã, Tịnh thiên không phải là sở hữu của ngã, ngã không phải là sở hữu của Tịnh thiên.” Vị ấy đã không cho Tịnh thiên tức là ngã, vậy là vị ấy biết rõ Tịnh thiên. Đối với Vô lượng không xứ, Vô lượng thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi hữu tướng phi vô tướng xứ, với đồng nhất, dị biệt, đa thù, sở kiến, sở văn, sở thức, sở tri, sở đắc, sở quán, sở niệm của ý, sở tư của ý, từ đời này đến đời kia, từ đời kia đến đời này và với cái tất cả; vị ấy đối với cái tất cả thì biết là tất cả: “Cái tất cả không phải là ngã, cái tất cả không phải là sở hữu của ngã, ngã không phải là cái sở hữu của cái tất cả.” Vị ấy đã không cho cái tất cả tức là ngã, vậy vị ấy biết rõ cái tất cả.

Ta đối với đất thì biết đất: “Đất không phải là ngã, đất không phải là sở hữu của ngã, ngã không phải là sở hữu của đất.” Ta đã không cho đất tức là ngã, vậy là Ta biết rõ đất. Cũng như vậy, đối với nước, lửa, gió, thần, trời, Sanh chủ, Phạm thiên, Vô Phiền thiên, Vô Nhiệt thiên. Ta đối với Tịnh thiên thì biết Tịnh

thiên: “Tịnh thiên không phải là ngã, Tịnh thiên không phải là sở hữu của ngã, ngã không phải là sở hữu của Tịnh thiên.” Ta đã không cho Tịnh thiên tức là ngã, vậy ta biết rõ Tịnh thiên. Đối với Vô lượng không xứ, Vô lượng thức xứ, Vô sở hữu xứ, Phi hữu tướng phi vô tướng xứ, với đồng nhất, dị biệt, đa thù, sở kiến, sở văn, sở thức, sở tri, sở đắc, sở quán, sở niệm của ý, sở tư của ý, từ đời này đến đời kia, từ đời kia đến đời này, cho đến cái tất cả; Ta đối với cái tất cả thì biết tất cả: “Tất cả không phải là ngã, tất cả không phải là sở hữu của ngã, ngã không phải là sở hữu của tất cả.” Ta đã không cho tất cả tức là ngã, vậy là Ta biết rõ tất cả.

Đức Phật thuyết như vậy, các Tỳ-kheo sau khi nghe Phật dạy xong, hoan hỷ phụng hành.

